

Chương 10

Đời Mưa Gió



Trên đường đi trong cuộc đời mưa gió, khách lữ hành lắm khi "dừng chân ngoảnh lại trời non nước" và thấy rằng đời mình đơn độc với "một mảnh tình riêng ta với ta" theo như lời thơ của Bà Huyện Thanh Quan.

Nhưng tôi chấp nhận cuộc sống rày đây mai đó để có chút "danh gì với núi sông". Tôi chưa nghĩ gì đến chuyện tơ vương, nhứt là sau một thời gian mang hai ba thứ bệnh, thân mình chưa xong, tiền bạc không có, việc làm cũng không, nhà cửa cũng không, đâu có tâm trí gì để ý chuyện xa vời.

Sau khi hoạt động cho Thanh Niên Tiền Phong một thời gian, có người giới thiệu tôi vô khu tiếp tục chống Pháp. Càng tốt, tôi còn đơn thân độc mã, đi cho thỏa chí

tang bông, theo như câu thơ của Nguyễn Công Trứ học thời nhỏ, ý nói cung tên là nợ của người trai:

*"Tang bông hồ thi nam nhi trái,
Cái công danh là cái nợ nần..."*

Trước khi rời thành đô, tôi lại nhà anh chị Ba tôi để cho biết. Chị tôi cho tôi chút ít thuốc men và tiền bỏ túi:

- Em đi phải cẩn thận, khi nào về, ghé thăm anh chị với mấy đứa nhỏ!

Tôi có ghé ông bà nuôi cho hay kỳ này đi xa, chừng nào trở về tôi ghé lại thăm. Bà không quên nhét vô túi tôi chút tiền, lựa ra một vài chai cù là, dầu mướp, mấy chục viên thuốc tể đen thui:

- Thuốc này bổ lắm, có tẩm mật ong dễ uống, khi nào con thấy yếu, mệt, con uống vài viên thì khỏe liền.

Tôi chiều ý bà, nhận hết.

Cả hai nơi, tại nhà chị tôi cũng như nhà bà nuôi, tôi đều tỏ ra cứng rắn trong cảnh chia tay. Tôi không đến nhà từ già "người đẹp" của lòng tôi, vì nghĩ rằng:

*"Thân đã hiến cho đời gió bụi,
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi..."*

(thơ Thế Lữ)

Nhớ lại, hai năm về trước, tôi có đến nhà anh của cô, bạn cùng học trường Pétrus Ký, ở Ngã Năm Bình Hòa, cách nhà tôi khoảng một cây số, nơi đó, anh em sinh viên đến tập tuồng hát. Lâu ngày, tôi để ý đến người em gái của anh, tuổi độ 16 trăng tròn, nàng lại là bạn học với em gái tôi. Vì lễ giáo gia đình, tôi chưa bao giờ dám nói một tiếng yêu thương..., nhưng để tỏ là tôi có "để ý" đến nàng, một ngày nọ, tôi "lén" tặng cho nàng một chai dầu thơm, hiệu "Je reviendrais" (Tôi sẽ trở lại). Rồi tôi phải lao vào cơn gió lốc của thời cuộc.

Rời thành đô

Chiếc xuồng nhỏ đưa tôi qua sông An Phú Đông vào chập tối để tránh tàu của Tây đi tuần tiễu trên sông. Trên xuồng, có năm người, tôi, cùng hai người cũng vô khu, một người chèo và chị liên lạc.

Nghĩ rằng đi chiến khu chắc hai ba ngày mới tới, không ngờ xuồng vừa cập bờ An Phú Đông (cách Sài Gòn lối 2 cây số đường chim bay), chị liên lạc dẫn đi bộ vài ba cây số, vô một căn nhà của dân chúng để ngủ tại đó chờ ngày mai gặp mấy anh trong đoàn thể.

Qua ngày sau, sau khi giới thiệu xong xuôi, mấy anh dặn cứ ở chơi một thời gian, cho quen biết sự tình. Mình tưởng rằng vô chiến khu là trong đó có nhiều dãy nhà đông người ở, sống tập đoàn như một trại lính, thật sự không phải vậy. Vì còn thời kỳ phôi thai và bảo mật, phải tản mác ở nhà dân chúng, sống hòa đồng với họ, ăn uống với họ theo chánh sách "tam cùng" (giống như bắt họ nuôi mình), đến khi trời tối mới tập hợp lại một nhà lớn để học tập, thảo luận.

Tôi đã chuẩn bị một số quần áo giống như dân quê, để giả dạng làm thường dân, nếu lính Tây có vô bố ráp, mình lẫn lộn theo dân chúng để trốn.

Trong các buổi học tập về đêm, anh cán bộ (người miền Bắc) giảng rằng:

- Mấy anh biết công tác quần chúng là gì không? Biết "ba cùng" là gì không?

Mọi người ngẩn ngơ, anh thuyết trình nói tiếp:

- Tam cùng là ba cùng, sống cùng với dân chúng, "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" với họ, mình không được động tới cây kim sợi chỉ của họ, hãy dẫn dắt họ theo đường lối Cách Mạng. Tôi hỏi câu này, anh nào có ý kiến, đưa tay lên!

Cả bọn lao nhao lên, chờ câu hỏi.

- Mình ở trong nhà quần chúng, trong nhà có một em nhỏ mũi chảy lòng thông, mình phải làm sao?

Học viên cười khúc khích, nhiều bàn tay hăng hái đưa lên để trả lời. Học viên dành nhau nói: lấy khăn lau, đem ra lu rửa mặt cho nó, kêu má nó lo, người đòi lấy tay mình quẹt lỗ mũi nó, người thì nói lấy áo của mình chùi mặt cho nó...

Anh cán bộ vội vàng nói tiếp:

- Đây, đây, đây, chính chỗ này là chỗ ta phải học tập. Các anh đều sai cả!

Mọi người ngó nhau vừa cười vừa tức tối, lấy làm lạ tại sao không đúng? Anh thuyết trình nói tiếp:

- Cụ Hồ dặn ta phải lấy miệng mình hút nước mũi cho thẳng bé...

Học viên giựt mình, không ngờ cách của Cụ Hồ "siêu đẳng" quá.

Anh thuyết trình ngẩng cằm lên, gật gật đầu mấy cái, lạng thình một hồi rồi nói tiếp:

- Đây, chúng ta thắng là ở chỗ đó!

Mấy học viên ngồi ngẫm nghĩ không biết mình làm được hay không, không ai dám đưa tay lên phát biểu rằng làm như vậy là trái vệ sinh. Cách đó, nếu làm được càng hay, để lấy lòng quần chúng, nhưng chắc là đa số không áp dụng được, nào ai dám nói?

Trong lúc ở đó, mấy anh cán bộ cũng phát nhiều tài liệu học tập về Cách Mạng, về Tranh Đấu, trong đó có cuốn "Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi" của Trường Chinh (tức Đặng Xuân Khu), mô tả con đường chiến đấu mình phải đi theo.

Sau này, được biết đó là bản chép lại tài liệu của đảng Cộng Sản Trung Hoa. Cũng cần nói thêm là trên giấy tờ, không đề tên đảng Cộng Sản, mà là đảng Lao Động.

Cũng có học về Duy Vật Biến Chứng Pháp của Karl Marx, so sánh biến chuyển khoa học với biến chuyển xã hội loài người. Tất cả biến hóa này là theo "luật hủy thể của hủy thể", còn gọi là "luật mâu thuẫn", từ con gà đẻ trứng, trứng có mầm, mầm nở ra gà con, hạt lúa nở mầm, sanh ra cây lúa, cây lúa sanh ra bông, bông nở thành hạt lúa... Nếu đem áp dụng vào xã hội con người cũng thế, từ phong kiến đến tư bản, từ tư bản đến xã hội, xã hội đến cộng sản, tất cả đều do mầm đấu tranh nội bộ mà tiến triển.

Nhưng khi đến xã hội đại đồng rồi, muôn người hạnh phúc, không còn đấu tranh nữa, ở đó an hưởng cảnh thiên đàng. Đoạn chót nghe có hơi nghịch lý, nhưng đó là chuyện còn quá xa vời, hãy nhìn về thực tại, phải đấu tranh giành độc lập, đem tự do, cơm áo cho người dân trước tiên.

Tình hình lúc đó, vẫn có những cuộc hành quân của Tây, bao vây tứ phía, tiếng dân gian gọi là "bố chữ O", mọi người phải chạy, phải trốn xuống sông, xuống rạch, trong vườn mía...

Có một lần tôi đứng trước cửa Tử Thần: ngày đó, Tây bố chữ O, bao vây bốn phía và tiến vô. Vì chia nhau rải rác ở nhà quần chúng, người nào chạy trước, thoát vòng vây, người nào kẹt lại kiếm đường lui vô bụi bờ. Tôi bị kẹt lại cùng một anh bạn tên Thi. Súng nổ bốn phía, mình không có súng gì hết, (vì là hoạt động đoàn thể) mà có súng chẳng nữa cũng không dám đương đầu, chánh sách Cách Mạng là tránh né, lấy Nhu đối lại Cương, tôi với anh bạn chui vào đám mía.

Tưởng nên nói đây là vùng tên Đồng Lầy, gần Ngã Ba Bình Phước, Gia Định, nơi đây dân chúng sống bằng nghề trồng mía, toàn là mía, chỉ có đường đất đi giữa mấy vườn mía mà thôi.

Vườn mía cao hơn đầu người, cây mọc sát nhau, lá mía khô nằm rạp xuống che phủ kín mặt đất. Hai đứa chun vô giữa đám mía. Một lát sau, nghe tiếng súng gần chát tai, tiếng con nít la khóc, tiếng Tây la lối và tiếng giày chạy thình thịch. Tây đến nhà, bắt người đi và đốt nhà, có tiếng nổ nghe lớp lớp, khói bốc lên, và có từng tràng đạn bắn vào đám mía, bắn đến đâu, mía ngã rạp đến đó. Chúng tôi cách đó không hơn 10 thước, tôi nói với anh bạn:

- Thế nào nó cũng đốt vườn mía, sửa soạn phóng ra, nếu trúng đạn thì chịu thôi!

Ngồi đợi cho nó đốt vườn mía. Đợi, đợi! Rồi tôi tưởng tượng như Tử Thần nói:

- Xem sổ lại, chưa tới phiên tui bây!

Tiếng giày đi xa dần, không còn nghe tiếng la lối, tiếng súng bây giờ vắng vắng từ xa.

Cảnh chạy giặc, chạy bố ráp là chuyện thông thường, may nhờ rủi chịu, con đường tranh đấu còn dài, phải chấp nhận.

Có những lúc phải chạy tản lên miệt An Thành, Bến Cát, ở lẫn lút theo quần chúng. Cảnh dân quê thật là đáng thương, họ bắt buộc phải ủng hộ kháng chiến, không thì làm sao sống yên được? Họ phải vào đoàn thể, chia ra nào là Bô Lão Cứu Quốc, Thanh Niên Cứu Quốc, Phụ Nữ Cứu Quốc, Thiếu Nhi Cứu Quốc...

Có lệnh đưa ra như đào đường, phá cầu, đốt chợ, các đoàn thể chia nhau ra phân công đi "công tác", phân nhiều về đêm...

Nhưng đặc biệt, tôi có những kỷ niệm buồn không thể chia sẻ cùng ai, vì cách bắt người đánh đập đến chết thường xảy ra, chỉ vì gán cho người ta tội "do thám cho Tây". Điển hình là một ông già tư chức đi làm ở Sài Gòn, chủ nhật về thăm quê ở Bình Phước, chiều đó trở về Sài

Gòn, chưa dẫn xe đạp ra tới lộ là bị Quốc Gia Tự Vệ Cuộc (Công An) bắt. Ông hỏi lại:

- Sao mấy em bắt qua?

Hai anh du kích lạnh lùng:

- Mời chú về cơ quan làm việc!

Lúc đầu ông chân chừ:

- Qua có tội gì mà bắt, qua về thăm bà cô sớm mơi tới giờ, bây giờ qua về để mai còn đi làm việc!

Nói xong, ông thấy cây súng lục đưa vào mang tang ông, ông riu riu đi theo.

Kết quả là đêm hôm đó, ông bị tra khảo như tử về tội "do thám", đến gần sáng, họ khiêng xác ông chôn bên mé rừng.

Những việc này xảy ra gần như cơm bữa, ai không phải là người "thường trú" tại đó mà lai vãng gần đó sẽ khổ thân. Nhiều khi người bị bắt kháng cự không chịu đi, bị bắn tại chỗ.

Người theo kháng chiến phải hiểu rằng đường lối Cách Mạng là cứng rắn, được giảng dạy nhiều lần là "giết lầm hơn tha lầm".

Tinh thần nhân ái của tuổi đời son trẻ vẫn còn ẩn trong tiềm thức, tôi thấy khổ sở vô cùng nhưng không dám bộc lộ. Lúc bấy giờ, đang chống Pháp, mình không còn cách chọn lựa nào khác hơn. Hoặc giả nếu có ai dám đứng lên phát biểu cảm nghĩ của mình, chớ đừng nói đến phê bình hay chỉ trích, thân sẽ mang họa là điều chắc!

Cũng vẫn cảnh chạy bổ ráp, vì lúc đó, Tây mở mặt trận đại quy mô hơn, trong khi đó, lực lượng kháng chiến vẫn còn theo lối du kích, đánh rồi rút lui bỏ chạy. Cuộc sống thanh bình của người dân giờ này hoàn toàn bị chao đảo. Họ hy sinh tánh mạng, nhà tan cửa nát, công việc làm ăn bị xáo trộn.

Tuy nhiên, tôi bị nghi ngờ là làm cho 2ème Bureau của Pháp (còn gọi là Phòng Nhì, tức là cơ quan tình báo), câu hỏi đặt ra là "tại sao Bót Catinat thả tôi ra dễ dàng?" Tôi không biết gì về chuyện nghi ngờ đó, sau này có anh đó thương tôi và thường hay che chở tôi nói cho biết: Chú nên cẩn thận!

Đúng là như vậy, tôi bị hạ tầng công tác và bị cho đi nơi hẻo lánh để theo dõi. Lần này, đi xa hơn và vất vả hơn.

Tại nơi đây, tôi sống với những người dân quê mùa, mới học lóm được chút a, b, c lý thuyết Cộng Sản, mà nói toàn chuyện chánh trị đầu đầu, tưởng chừng như thông thạo chuyện thế giới lắm: nào là Hội Nghị Yalta trải thảm đỏ cho Staline bước từ máy bay xuống, có Churchill (Anh) và Roosevelt (Mỹ) tiếp đón, nào là Hồng Quân Nga dụ quân lính Phát Xít Đức vào Stalingrad trong mùa Đông để đánh một trận không còn manh giáp, chê Trotsky là một tay phản cách mạng thuộc nhóm đệ tứ quốc tế, v. v...

Nghĩ lại mấy anh này to gan thật, chữ nghĩa vừa hết đánh vần i tờ, chưa đầy "lá mít" theo như người ta thường nói, kiến thức địa dư không ra khỏi xóm làng, nhưng luôn tự hào về lý lịch bản cổ nông của mình, chê bai người khác là chưa giác ngộ giai cấp, là tiểu tư sản và trong các buổi hội thảo về đêm, cứ thao thao bất tuyệt chuyện trên trời dưới đất, cốt ý chứng tỏ ta đây là một tay cách mạng trung kiên!

Trong vùng tôi ở vào thời điểm đó, dân chúng nghèo xác xơ, rất thừa thớt, anh chị em trong các cơ quan ăn uống rất cực khổ, cơm với rau nấu bằng nước muối, người ta nói đùa là ăn thịt "cọp" quanh năm suốt tháng, ý nói là ăn muối dài dài, vì mỗi lần ăn muối là đâm "cọp cọp" cho nát ra.

Về miền Tây

Sau đó, có lớp học về Chánh Trị, tôi được cho đi dự, ở tận vùng Cao Lãnh, Đồng Tháp Mười.

Đường đi vất vả không ít, vì phải băng qua đồng nước ngập mênh mông, từ Miền Đông xuống Miền Tây, xuyên qua Củ Chi, Bàu Trâm, Bàu Tre, Đức Hòa, Đức Huệ, Chợ Lách, rồi từ đó nhắm hướng Đồng Tháp Mười.

Tại vùng Củ Chi, Bàu Tre, không khí mát mẻ hơn, không còn rừng già, không đất đỏ như vùng An Thành, Dĩ An. Vùng này sung túc lắm, toàn là tre, tre làm hàng rào, tre mọc như đám rừng, đa số nhà bằng gạch, cột to lớn, thật rộng, nằm giữa hàng tre dày đặc trong một khuôn viên đất rộng lớn, đa số nhà có trâu bò, gia súc đầy đủ. Dân chúng sống bằng nghề rẫy, giống như ở Trung Chánh, Hóc Môn, và đất cũng cát trắng giống như hai nơi trên. Ngoài ra, có tiểu công nghệ đan tre, làm rổ, nia, tóm lại là đồ bằng tre xài trong nhà, và làm đệm bằng cây lát.

Tối đó, toán chúng tôi đi gồm 4 người, ghé vào một nhà để ngủ trọ qua đêm. Cũng cảnh người dân niềm nở đón khách, cho ăn uống theo mức giới hạn của gia đình. Đến tối đi ngủ, bà chủ nhà chỉ cho mấy bộ ván, bà còn cẩn thận đặt lên bàn mấy bàn chải đánh răng mộc meo. Bà nói tỉnh bơ:

- Bàn chải này để dành cho khách đánh răng, mấy chú cứ tự nhiên!

Có lẽ đây là một nhà giàu, Tây học thời trước, chớ ở xứ quê này, có bàn chải đánh răng là hơi khác thường. Tại vùng này, có trồng sầu và cây cau cho trái ăn với sầu, thường mấy bà nhà quê lấy vỏ trái cau chà răng hay đánh răng.

Qua sáng hôm sau, đoàn người lại tiếp tục cuộc hành trình, đoạn này nguy hiểm hơn. Khi đi băng qua hết vùng tre mọc, cả toán phải dừng chân lại, chờ đêm đến mới đi tiếp, vì đoạn đường trước mặt toàn là đồng lạt, chạy dài

tận chun trời. Cây lát thấp như cây lúa, người ta dùng để đan đệm, làm vách, che nhà, làm cửa, lợp nhà. Không dám đi ban ngày vì quá trống, dễ lộ và dễ bị máy bay trinh sát của Tây phát hiện, máy bay này bay rất chậm, bay thấp và tiếng kêu rè rè trên trời.

Mặt trời vừa lặn xuống, phải đi cho thật mau, lội bì bõm dưới nước cả đêm, cho kịp đến bờ rừng tràm bên kia trước khi trời sáng.

Cực nhọc, nguy hiểm, nhưng không cách gì hơn là phải chấp nhận, đường tranh đấu nào chẳng chông gai? Nhờ nghĩ như vậy nên giữ vững tinh thần.

Vào thời kỳ đó, đi bộ toàn là đi chân đất, chớ không mang dép râu như sau này, để rồi sau năm 1975, người dân miền Nam có câu ca dao châm biếm:

"Đôi dép râu giẫm nát đời son trẻ,
Mũ tai bèo che khuất nẻo đường đi".

Trở lại chặng đường về miền Tây. Trời mờ sáng, chúng tôi tới bìa rừng tràm, khỏe quá rồi, cây cối âm u bao quanh, không còn sợ nữa. Sau đó, có xuồng đưa cả toán nhắm hướng Đồng Tháp Mười.

Một căn nhà rộng lớn, nuôi tằm, có không biết bao nhiêu nia (tràng lớn) đựng lá dâu và sâu tằm bò ngổn ngang ăn lá. Phía góc kia, là chỗ nấu kén tằm, cho con nhộng chết không cắn kén bò ra được. Phía kia, là chỗ kéo tơ tằm ra làm chỉ để dệt.

Tôi không ngờ tại nơi thâm sâu của Đồng Tháp Mười, lại có chỗ nuôi tằm, ở giữa một khu rừng cây sưa đũa, nước luôn luôn xấp xỉ nền nhà vốn đã cao bằng chiều cao một người bình thường. Xuồng là phương tiện di chuyển duy nhất đến cập vào sát nhà như một bến ghe, mùa này là nước lớn.

Nơi đó được chọn làm lớp huấn luyện, để "anh hùng hảo hán" các nơi tụ về học hỏi, khoảng 20 người. Lớp kéo dài một tháng, chương trình học gồm có hai phần: chánh trị và công tác quần chúng. Chánh trị chiếm gần hết giờ, cũng học tài liệu của đảng Lao Động (không dùng chữ đảng Cộng Sản) về các chủ thuyết của Engels và Karl Marx, về duy vật biện chứng pháp, giai cấp đấu tranh, sự sụp đổ của chế độ tư bản ("Tur Bản Giã Chết") và luôn luôn nhắc nhở cho giới công nông câu bất hủ của Karl Marx:

"Dans sa lutte, le prolétariat ne perd rien que ses chaînes".

(Trong cuộc tranh đấu, giới vô sản chỉ mất không gì khác hơn là xiềng xích của họ).

Công tác quần chúng là cách dạy sống chung với dân chúng theo thuyết tam cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm.

Nghe những lời hứa hẹn trên, đại đa số quần chúng, trong đó có chúng tôi, làm sao không khỏi bị mê hoặc?

Nào ai biết rằng mấy mươi năm sau, chế độ Cộng Sản sụp đổ, để lộ bao nhiêu màn mị dân, và người vô sản Việt Nam mất tất cả từ nhà cửa ruộng vườn đến tự do con người... Xiềng xích càng nhiều hơn nữa!

Trong khi học, có tin Tây bố ráp nên mất thêm cả tuần để cho khóa sinh chạy trốn.

Trong chuyến đi này, tôi có dịp học thêm địa dư, thấy rằng miền Nam trù phú quá. Ngoài sản phẩm dưới nước như vô số cá, tôm, cua, sò, ốc..., còn có chim, rắn, rùa đủ loại..., thổ sản có ruộng lúa mênh mông, cây trái đường như chỗ nào cũng mọc lên được. Nào là vườn thơm, vườn khóm, hàng hàng lớp lớp miệt Đức Hòa, Đức Huệ, vườn

dừa miệt Bến Tre, vườn cam, vô cùng rộng lớn miệt Cái Bè, Mỹ Tho, chưa kể ruộng dài đến chum trời.

Nói về cam, dân chúng trong vùng này ưa trồng cam sành, vỏ xanh, dày, nhiều nước, rất ngọt, và là món quà quý để tặng trong dịp lễ lộc: thăm người bệnh, biếu người mình kính trọng, hoặc trong dịp Tết... Điều đáng để ý là trong vườn cam, họ nối cây cam với nhau bằng một cây tre hay trúc, mục đích là cho kiến vàng (loại to) bò qua từng cây này đến cây khác, và theo lời chủ vườn, "có kiến, trái cam mới ngọt".

Sanh sống ở vùng Đồng Tháp Mười, kể về ăn uống, đầy đủ hơn các vùng khác, không bao giờ biết thịt "cọp" (muối đậm cộp cộp) là gì.

Trở về miền Đông

Khi học xong, tôi trở về miền Đông và được cho làm việc văn phòng tại một đoàn thể cứu quốc. Tại đây, tuy sống chung nhà dân, nhưng làm việc trong từng chòi nhỏ rải rác trong rừng. Đồ đạc, giấu dưới hầm, khi làm việc thì moi lên. Thỉnh thoảng, có tin cho biết Tây sắp hành quân bố ráp, phải tản mác chạy trốn vài ngày, chia nhau chạy; sau khi Tây càn quét xong xuôi rồi, trở về, điểm danh ai còn ai mất. Nhà cửa bị sập phá được chính tay mình cất lại, toàn là nhà lá, nhà tranh, nên dọn dẹp cũng mau, dựng lại không khó... Có khi Tây ở lại cả tuần, mình "nghỉ phép" một tuần.

Cuộc sống khô khan tiếp diễn đều đều..., nhưng lâu lâu, vào buổi tối, có họp nhau như cắm trại và ca hát những bài kháng chiến, lại có thêm mấy chị cán bộ các đoàn thể gần đó tham gia, nhờ đó quên nỗi nhớ nhà, quên mọi ưu phiền.

Một lần đi công tác gần đó, trong vùng dân chúng ở, có nhóm chợ. Một số bạn nói nhỏ với nhau:

- Bữa nay mình tạt vô chợ coi cho biết!

Đây là một loại chợ chồm hồm, ở một xã xa xôi, lâu lâu nhóm một lần, để dân trong làng có món gì đem ra bán. Đi rảo trong chợ, có anh bạn lấy tay chỉ vào một sạp hàng:

- Nè, xem con nhỏ bán kim chỉ đăng kia, coi được lắm!

Thật vậy, cô này tuy gái nhà quê nhưng nước da trắng trẻo, tóc không bới, kẹp phía sau đầu đưa lên khỏi ót để lộ làn da rất hấp dẫn, miệng cười có đồng tiền.

Người khác tiếp:

- Anh nào độc thân thì nhào vô, thích thì xin "tuyên bố"! (là xin trường cơ quan tuyên bố làm vợ chồng).

Mấy anh độc thân trong đó có tôi nhìn cô gái... Tôi thấy cô này cũng hay hay, thôn nữ như vậy là đẹp quá, nghĩ trong bụng chắc cũng Phụ Nữ Cứu Quốc gì đó. Anh khác nói nhỏ vừa đủ nghe:

- Nè, con nhỏ đó có chồng rồi, chồng nó làm do thám cho Tây, bị bên mình "cho mò tôm" rồi, phải cẩn thận nha!

Sự thật là có một trưởng ty cấp Huyện thấy cô đẹp, muốn chiếm đoạt cô nên ông ta tìm cách tố cáo chồng cô "làm do thám cho Tây" và bắt giết. Nghe đến đó, tôi giật mình, nghĩ xót thương cho thân phận cô gái, cho chồng cô: mấy ông có quyền, có chức, thấy người ta có vợ đẹp rồi "vu oan" để đoạt vợ người. Tội gì chứ tội "do thám cho Tây", biết bao nhiêu mạng người chết oan vì mấy chữ này.

Lòng tôi cảm thấy buồn ngủi không ít, càng thương cho tình cảnh người dân quê thấp cổ bé miệng, bị hà hiếp nhưng không biết kêu ca vào đâu. Có vợ đẹp cũng là một tội đáng chết!

Nhiều cảnh bắt người, giết người xảy ra vô cùng thảm thương.

Một cảnh khác, tại một nhà của dân chúng giữa đêm khuya, hai chú công an đang điều tra một ông chèo xuồng bị bắt ven bờ sông. Mỗi lần họ hỏi cung và "lên gối" (lấy đầu gối tông vào bụng) cho ông khai, ông "ự" lên một tiếng rồi nhào xuống đất, và cứ liên tiếp trong vòng năm phút, ông ự ự mấy tiếng rồi nằm yên. Họ dựng ông lên, đánh tiếp:

- Ai tổ chức mày đi vô đây?

- Xin mấy ông thương tôi, tôi chèo ghe bán chuối để sống, có do thám cho ai đâu?

Màn đánh đấm tiếp diễn, ông lái dò đau quá, la lên:

- Xin mấy ông thương tôi, tôi là dân đi làm ăn mà!

Cùng lúc đó, ông chủ nhà quá hoảng sợ, từ giường ngủ chạy ra, vừa quỳ lạy mấy anh công an vừa van xin:

- Lạy mấy ông, khuya quá rồi, xin mấy ông làm vừa vừa, mấy đứa con tôi sợ quá, nó khóc quá, không dám ngủ!

Sau cùng, ông lái dò được chôn trong rừng, chết tức tử về "tội do thám".

Một ngày nọ, sau khi quân đội Pháp hành quân ở Dĩ An rút về, du kích bắt một phụ nữ lãnh vắng gần chợ, bị gán tội là "me Tây" (lấy Tây) và làm do thám. Thiếu nữ bị đâm tại chỗ và bị kéo lê về nằm bên bờ mương, bỏ đó trần truồng cho đến chết.

Đó chỉ là vài trường hợp điển hình, nếu kể về tội ác của "kháng chiến", không thể nào hết...

Nông dân từ mấy đời phải bầm lầy đất, nay họ bị buộc gia nhập đoàn thể này, hội cứu quốc nọ, mai đi đào đường, đắp mô, cam chịu kiếp đọa đày, chịu đựng cảnh hà hiếp của cán bộ ăn bám vào dân quê, dân không còn chút riêng tư nào cho gia đình họ. Một số bỏ trốn, tìm đường làm ăn nơi thành thị.

Một thời gian sau, bệnh rét của tôi tái phát, kéo dài hơn cả tháng, tôi xin về Sài Gòn chữa bệnh.

Tình hình Sài Gòn

Lúc đó là khoảng đầu năm 1948, sinh viên biểu tình liên tục tại Sài Gòn... Phong trào chống Pháp càng sôi sục hơn, và cứ kéo dài tháng này qua tháng nọ.

Cùng lúc đó, quân đội Pháp thỉnh thoảng phối hợp với cảnh sát, công an, mở những cuộc bố ráp trong thành phố. Họ bắt tất cả cư dân trong một khu xóm, tập trung tại một bãi đất trống để xét giấy tờ tùy thân, mục đích là để bắt những người hoạt động cho Việt Minh trà trộn trong dân chúng. Việc bố ráp này gây nhiều sợ hãi cho cư dân vì không phải ai đầy đủ giấy tờ là yên thân. Lý do là sợ "bố nhìn mặt".

Bố nhìn mặt là gì? Bố đây không phải là "cha" theo như người miền Bắc thường gọi cha mình, đây là bao bố.

Sau khi tập hợp dân chúng và xem xét giấy tờ, Công An chờ đến một người, người này bị bắt từ đâu không ai biết, cũng không biết là ai, vì trùm từ đầu đến chun bằng một bao bố, chỉ khoét hai lỗ nơi cặp mắt để nhìn ra. Người này hướng mặt đến đâu là trái tim người ngồi dưới đất đập mạnh, bụng thót lên, lo sợ anh bạn trùm bao bố chỉ mình hoặc nhìn là người quen, mình sẽ bị bắt đi ngay đem về bót để điều tra. Run sợ là chỗ đó.

Cũng có trường hợp không bị nhìn, nhưng Cảnh Sát sau khi xem giấy tờ tình nghi một người, họ bảo anh đó nói lên chữ "Tân Sơn Nhứt". Người nào đọc được chữ Tân Sơn Nhứt theo giọng Nam là được thả, ai đọc Tân Sơn Nhứt theo giọng Bắc "Tang Xang Nhách" có thể bị bắt lại. Thời đó, trong Nam, ít có người Bắc, cảnh sát công an thường cho người miền Bắc là Việt Minh nên bắt đọc chữ Tân Sơn Nhứt để phân biệt Bắc với Nam.

Có trường hợp đặc biệt và buồn cười là thi sĩ Đinh Hùng bị bắt, báo chí lúc đó có đăng. (Vì thời gian quá lâu, tôi không nhớ chắc chắn đây là thi sĩ Đinh Hùng hay không, cũng có thể là một nhà thơ khác). Nhà ông ở Bàn Cờ, đi đâu ông không bao giờ đem thẻ tùy thân vì sợ mất. Thời đó, chưa có máy sao bản (photocopy). Trong mấy lần xét hỏi giấy tờ ngoài đường, ông không xuất trình được giấy căn cước, bị bắt đem về bắt. Có người hỏi ông lý do tại sao không mang theo giấy tờ, ông trả lời tình bơ:

- Mình là con dân nước Việt, mình có làm tội gì đâu mà sợ, bắt rồi cũng thả thôi!

Ông bị bắt mấy lần; tại bắt, người ta biết ông là một nhà thơ, mấy công chức trong bắt xuống thăm, không những ra lệnh thả ông, có lần còn cho xe chở ông về nhà. Sau khi nhà thơ bước xuống xe, chú tài xế nói với theo:

- Nhớ đi đâu đem theo thẻ căn cước nghe cha!

Bóng mỹ nhân!

Sau khi trở về Sài Gòn, vì muốn sống tự lập, tôi mướn một căn phòng nhỏ trong Chợ Lớn để ở, thỉnh thoảng về thăm gia đình anh chị Ba và ông bà nuôi tôi. Tôi tìm được vài nơi để dạy kèm trẻ em tại nhà họ, ngoài ra cũng đi làm mỗi ngày một buổi sáng tại cửa hàng của một ông thầu khoán xây cất: nhiệm vụ của tôi là đứng bán cây, ván, gạch chất đầy sân bên ngoài văn phòng của ông.

Bên kia đường là cơ sở một nhà đèn của Pháp lo về cung cấp điện lực cho khu vực, đó là một dãy nhà lầu cũ kỹ, màu sơn vàng theo thời gian biến thành màu xám. Thỉnh thoảng nhìn lên cửa sổ trên lầu, tôi thấy phớt qua một bóng mỹ nhân. Ngày qua ngày, lại xuất hiện thiếu nữ nhìn xuống. Tôi lo việc buôn bán ngoài trời với khách, lâu lâu nhìn lên, lấy làm lạ, tự hỏi sao có cô gái nào lọt vào nơi đó?

Một bữa nọ, tôi ngó lên, thấy bóng hồng xuất hiện trong khung cửa sổ, lần này, cô mỉm cười, rồi chột tắt, rồi khuất lại bên trong, làm tôi ngạc nhiên không ít. "Lại gì đây?", tôi tự hỏi.

Vài ngày sau, trong khi tôi đang đứng bán, có một bà đứng tuổi, mặc áo bà ba, đang đi tìm kiếm vật gì gần đó. Tôi chạy ra hỏi, bà đi thẳng vào nơi tôi đứng. Theo thường lệ, tôi hỏi:

- Bà muốn mua gì?

Bà ngó dáo dác:

- Thầy Hai, thầy thương cô em hôn? Cô em thương thầy lắm!

Tôi giựt mình không hiểu việc gì:

- Ủa, bà nói gì kỳ vậy? Cô bà là ai?

Bà tiếp:

- Không nói dấu thầy Hai, cô em là người mà thầy Hai thấy trong cửa sổ đó!

Bà nói tiếp trong khi tôi ngạc nhiên không ít:

- Dạ, cô em thương thầy lắm, cô em muốn thầy Hai dẫn cô em đi, mượn nhà cho cô em ở...

- Sao kỳ vậy? Tôi đâu có quen với cô mà mượn nhà cho cô ở?

- Không dấu thầy, cô em muốn trốn đi với thầy!

Tôi càng lấy làm lạ hơn:

- Sao lại phải trốn?

Câu trả lời:

- Dạ, cô em có chồng Tây, chủ hăng đó, cô em mới đẻ đứa con một tháng, mà thằng Tây nó ghen quá, cứ đánh đập cô em suốt ngày, cô em khóc quá trời, cô em nói chỉ có Thầy Hai mới cứu được cô em mà thôi...

Trời! Ách giữa đường, ai đem cho tôi mang vào cổ: tôi đã tự nhủ lòng bao nhiêu lần là không "lưu luyến duyên tơ" mà sao nghiệp nào vẫn đeo đẳng bên mình? Tôi còn

đang phân vân thương hại cho cô gái và tìm câu trả lời êm dịu để thối thoát, bà ấy bỏ đi vừa nói:

- Thôi, mai, em trở lại gặp thầy Hai!

Ngày mai, cũng vào giờ đó, bà trở lại, tôi chưa kịp hỏi, bà nói:

- Thầy Hai, tối mai, cô em bông trắng nhỏ đợi thầy ở góc đường kia, có em đi theo nữa, về ở luôn với thầy.

Hoảng quá, tôi trả lời:

- Tôi có vợ rồi, không được đâu, bà kiếm người khác đi!

Lại tiếp tục:

- Thôi mà thầy Hai, thầy mà có vợ gì... em dòm em biết chớ phải hông biết đâu... cứu giùm cô em mà thầy Hai!

Tôi trả lời dứt khoát:

- Tôi nói không được là không được, thằng Tây nó cắt cổ tôi.

Qua ngày hôm sau, ông chủ hăng đến; thấy ông lục lạo gần đó, tôi ra gặp ông. Tôi biết ngay là chồng của người thiếu nữ kia, tôi hỏi:

- Ông muốn mua gì?

Tôi hỏi cho có lệ vì biết không có Tây nào đến đây mua cây ván. Ông hỏi tôi muốn nhìn lên cửa sổ không, tôi trả lời:

- Tôi nhìn cùng hết không riêng gì cửa sổ của ai!

- Tôi cấm anh nhìn lên cửa sổ!

- Tôi muốn nhìn đâu tôi nhìn, ông không có quyền cấm cản, ông không muốn cho người ta nhìn lên cửa sổ, hãy đóng lại đi!

Sau khi nghe tôi nói, ông càu nhàu trong miệng rồi bỏ đi.

Qua ngày sau, cửa sổ chỉ mở "hí hí", khép lại một trang bí hài kịch.

Thì ra, thiếu nữ đang trong tình trạng tuyệt vọng,
tính nhờ tôi thấy tấm phao kéo cô ra khỏi dòng nước!



Chương 11

Chim Bể Gãy Cánh



Một ngày không vui!

Chiếc xe cam nhông từ Sài Gòn chạy vô địa phận quận Hóc Môn (Sài Gòn-Hóc Môn là khoảng 10 cây số) đậu lại trước đồn của quận lỵ. Đây là đồn cảnh sát công an và theo thông lệ, xe chở khách, xe đồ, xe chở hàng hóa nào đi về hướng Trảng Bàng, Tây Ninh đều phải đậu lại cho khám xét.

Xe vừa thắng đứng bánh, một số cảnh sát mặc sắc phục, một số công an mặc thường phục (công an làm cho Pháp không có sắc phục) tiến đến, vài người phía trước, vài người phía sau, dòm ngó chung quanh xe. Tôi ngồi trên băng kê bên tài xế, cạnh với hai hành khách nữa, phía sau là thùng xe chở hàng hóa cùng bạn hàng, đa số là đàn bà, với gồng gánh, đồ đạc ngổn ngang.

Từ trên xe nhìn xuống, tôi thấy có hai người đến trước đầu xe, ngó vào trong buồng lái tôi đang ngồi. Bỗng tôi giựt mình vì thấy một người quen. Người đó nhìn tôi trừng trừng rồi bỏ đi. Tôi nhớ lại rõ ràng đó là anh Tân, đã từng làm chung với tôi trong chiến khu trước khi tôi về Sài Gòn. Năm, sáu tháng trước đây, anh này bắt mẫn với cán bộ Cộng Sản nên ra đầu thú với Pháp tại đồn quận lý Hóc Môn, theo lời một người bạn cho tôi biết. Ngay sau khi anh bỏ chiến khu, anh có dẫn lính Tây đi hành quân tìm đơn vị cũ để bắt và nhìn mặt người quen.

Mấy tháng trôi qua, tôi không để ý và quên mất việc này. Riêng hôm nay, tôi trở về trên khu theo lời hứa sau mấy tháng nghỉ dưỡng bệnh và sẽ xin nghỉ tiếp thêm.

Sau khi anh Tân nhìn tôi ngồi trong xe, tôi vẫn nhìn anh, tỏ ra không quan tâm lắm, nhưng thật sự chết điếng trong lòng. Chờ xem sao, còn biết làm gì hơn? Xe vẫn còn đậu đó, mặc dầu phía sau đã khám hành khách xong.

Chừng 10 phút sau, tôi nhìn thấy trước đầu xe, bốn năm người lao nhao. Một người tiến đến gần cửa tài xế rồi nói:

- Ê, thằng mắt kiếng, xuống đây!

Cần nói rõ là lúc đó tôi mang kiếng trắng, trông không có độ, một lỗi ngụy trang để chứng tỏ mình là người "trí thức", cho thiên hạ "nể". Nhưng bây giờ, không ai nể tôi rồi, tôi riu riu bước xuống, không một lời than van, biết rằng số phận tôi đến ngày hôm đó được định đoạt rồi.

Tôi được đưa ngay vào phòng điều tra. Vừa đi, tôi nghĩ rằng phen này là chết, năm trước bị bắt vào bót Catinat không có bằng cứ, lần này còn chạy chối vào đâu, mình phải làm sao khai khôn khéo để bót bị "đòn" mà không khai cho người khác.

Có lẽ chị liên lạc dẫn tôi đi hiện giờ đang ngồi ngoài kia trong số hành khách của xe cam nhông "lo rầu"

hơn ai hết, vì hôm đó là ngày chị dẫn tôi về khu; nếu tôi bị đánh đau quá, chỉ bắt chị rồi trên xe còn nhiều người đi chung với chị sẽ bị bắt. Tôi còn nghĩ là họ sẽ chở tôi về Sài Gòn kiếm bắt thêm nhiều người khác, và hễ bắt thêm người, họ còn đánh tôi nhiều hơn nữa để khai thêm. Vậy, khai sao bây giờ? Anh Tân đã biết rõ tôi khi ở chiến khu, tính làm sao đây?

Khi vô đến phòng điều tra, họ lục xét cùng mình tôi, lấy ra giấy tờ và tiền bạc. Sau đó, họ bắt tôi ngồi bẹp xuống đất, lấy một đầu dây điện kẹp vào ngón cái của tay trái, và đầu dây kia kẹp vào ngón chun cái bên mặt của tôi. Trong khi chờ đợi, tôi thấy có hai sợi dây dừa, loại dây lõi tói, từ trên nóc nhà thả xuống, dành để treo người lên cho đi "máy bay"; dưới đất, có hai ba cây tầm vông lớn bằng bắp tay người lớn để đánh tội nhọn, kế bên có ba bốn thùng nước, dùng để trấn nước, gọi là cho đi "tàu lặn". Hai người đứng hai bên tôi, cùng một ông là người điều tra, ngồi ở giữa, trên ghế phía sau bàn giấy.

Sau khi móc dây điện vào tôi rồi, ông điều tra ngồi ở bàn quay thử. Đây là một loại máy phát điện quay bằng tay, mỗi lần quay là tạo ra một dòng điện chạy khắp thân thể tôi. Rẹt, rẹt, tôi búng mình, văng tay chun lên như con ếch, té bật ngửa ra. Rẹt rẹt, con ếch lại vung tay chun lên, té nhào ra sau. Ông điều tra nói:

- Thử sơ sơ cho mày biết, mày không khai, tao quay một hơi là mày chết!

Tôi lấy bình tĩnh lại, nghĩ thầm:

- Thôi là hết rồi, đời tôi đến đây kể như chấm dứt, không chết cũng thân tàn ma dại, ráng chịu đựng tới chừng nào hay chừng nấy, vận động sức bình sanh ra đối phó tùy theo hoàn cảnh.

- Mày biết anh này không? - ông điều tra chỉ vào anh Tân đứng kế bên ông.

- Dạ biết! - tôi nói liền, vì nếu chối, nói không biết là chết.

- Biết làm sao, nói nghe coi?

- Dạ tôi biết anh hỏi còn ở chiến khu An Thành (An Thành là một xã thuộc quận Hóc Môn), tôi với anh cùng làm chung một chỗ.

- Mày về Sài Gòn tổ chức gì? Làm gì? Bữa nay vô khu làm gì?

- Dạ không phải!

Lập tức, một luồng điện, hai luồng điện và liên tiếp nối theo, tôi nhào lặn nhào lộn, rên siết vì đau đớn.

- Tại sao không phải? Mày hoạt động ra sao? Ai dẫn mày đi bữa nay?

Lại liên tiếp mấy luồng điện chạy cùng mình tôi, tôi gần như lặn tròn, bật ngửa ra sau, tay bung lên trời, chun bung xuống đất, toàn thân thể nóng lên, vừa run rẩy.

Luồng điện ngưng vài giây..., tôi vừa thở hổn hển vừa ngước lên nhìn xem người điều tra mặt mũi ra sao mà tàn ác quá.

Tôi nhìn kỹ, thấy ông mang kiếng trắng, lại đeo sợi giây chuyền mang hình thánh giá, có tượng Chúa Giê Su bị đóng đinh treo chun trên chữ thập. Tôi chợt nghĩ ông là một người có học, có vẻ "trí thức", vì hồi xưa, chỉ có người học thức mới mang kiếng trắng thôi; hơn nữa chắc ông có đạo, mình phải kêu Chúa lên để nhắc nhở cho ông lòng nhân từ của Chúa dạy.

- Tại sao không phải? Hoạt động ra sao? Làm gì? Nói mau!

Lại mấy luồng điện kế tiếp, tôi la lên:

- Chúa ơi! Chúa ơi!

Tôi lại nhào lặn xuống đất, và mỗi luồng điện quay lên là tôi la "Chúa ơi!" Khi ông ngưng luồng điện, tôi nói:

- Xin mày ông cho tôi nói!

- Ừ, khai ra đi!

Tôi thở phì phào, gần ngất lịm và nói từng tiếng một:

- Tôi có đi theo Việt Minh, lên làm việc ở chiến khu mấy tháng, tôi có biết anh Tân cùng làm chung 6, 7 tháng về trước, nhưng tôi bị đau phổi, bị ho lao, phải về Sài Gòn dưỡng bệnh. Anh Tân khai tôi là đúng, đúng 6, 7 tháng trước, chớ sau này anh đâu biết là tôi về Sài Gòn trị bệnh.

Cần nói thêm là vào lúc đó, con người tôi ốm yếu, vì hậu quả bệnh sốt rét mấy năm về trước, nước da xanh xao, trông tôi có vẻ "trói gà không chặt", chớ sự thật lúc đó tôi không đau ốm gì cả.

Sau khi bị hỏi kỹ hơn, tôi khai tiếp tên mấy người đầu não, đơn vị trong khu tên gì, hoạt động ra sao, nhưng sợ bị bắt dẫn về khu, càng nguy hiểm hơn, nên thêm rằng:

- Đó là mấy tháng về trước, từ hồi tôi đi tới giờ, tôi không biết, mấy ông cứ thay đổi hoài, nay đóng Bến Cát, mai chạy về An Thành, bữa khác trốn về Bời Lời... lưu động hoài, tôi không biết bây giờ mấy ông ở đâu nữa...

Thấy điều tra bằng điện mà tôi chưa nói gì để khai thác được và chưa khai ai để bắt thêm, họ gỡ điện ra và bắt tôi lên nằm sấp trên bàn, cho thương thức mản "tâm vòng".

Họ hỏi tôi tại sao hôm nay lên khu, ai dẫn tôi đi, đi với ai? Tôi chưa kịp nói, hai người bỏ cây tầm vòng vào thân mình tôi lia lia. Tiếng la "Chúa ơi!" vang lên sau mỗi lần tầm vòng đập xuống lưng tôi nghe ỳnh ỳnh. Tôi tưởng như phổi, tim, gan ...bể tan tành ra từng mảnh, nghĩ rằng nếu hôm nay tôi chưa chết, khi được thả về, phải lo chạy thuốc suốt cả đời.

- Khai chưa, ai dẫn mày đi?

Lại tầm vòng đập xuống liên hồi, kỳ này bắt kể đầu, mình, chun tay... lại lãnh mấy cú thoi bằng tay vào mặt,

mắt tôi sưng lên, máu chảy ướt mắt. Tiếng kêu "Chúa ơi" nhỏ dần sau mỗi cú tầm vông đập xuống, tôi ngất xỉu.

- Dạ cho tôi nói!

Họ kéo tôi xuống đất:

- Nói đi, khai ra!

Tôi mở mắt nhìn, thấy hai thùng nước còn chờ sẵn mình ở đó để chờ đi "tàu lặn" là "trần nước"; ngó lên trên trần nhà, mấy sợi dây lòi tới chờ cho đi "máy bay".

Mới xong hai màn đầu, còn hai màn nữa. Tôi nghĩ mới qua hai cửa địa ngục, điện và tầm vông, tôi đã ngất ngư rồi, làm sao chịu thấu thêm hai cửa địa ngục "tàu lặn", và "máy bay"? Nhưng tôi tự an ủi mình đã chấp nhận hiểm nguy từ khi nhập cuộc, phải cố bảo tồn danh dự là không khai bất cứ ai.

Rồi tôi khai là hôm đó, tôi lên Suối Cụt mua gạch vụn, xà bần (xà bần là gạch nhà bể, dùng để trộn với xi măng làm nền nhà), nếu chịu giá xong, tôi đặt tiền cọc cho người ta và mượn xe chở về Sài Gòn, bán lại cho mấy ông thầu khoán xây cất nhà. Tôi nói tiếp:

- Từ khi ở khu về, tôi phải lo chữa bệnh lao của tôi, tôi phải kiếm nghề để sanh sống, tôi không biết gì hơn là đi mua gạch ngói cũ về bán; tôi nghe nói ở Suối Cụt, (một xã phía bắc Hóc Môn) có nhiều nhà bị Việt Minh phá hủy nên đi tìm để mua gạch vụn. Tôi đi kỳ này không phải là lần thứ nhất, mấy lần rồi, có sao đâu?

Lại mấy cú đá vào mặt:

- Ai dẫn mày đi?

- Dạ không ai dẫn hết, tôi đã đi mấy lần trước, tôi đi Suối Sâu, Suối Cụt, Phước Hiệp..., hề nghe chỗ nào có nhà dân chúng bị Việt Minh phá sập, tôi tới mua...

Đó là câu chuyện tôi bịa đặt ra: đối đầu với cái chết, vì lẽ sanh tồn, tôi phải vận dụng tất cả bản năng để tự cứu. Tôi

nghĩ cũng nhờ tôi kêu Chúa, ông điều tra động lòng nhân ái, và có lẽ ông tưởng tôi có đạo như ông nên ông nhẹ tay hơn với một "thằng con Chúa" giống như ông, trong khi đó, tôi không phải là người theo đạo Công Giáo.

Hơn thế nữa, lời tôi khai có lý, mạch lạc, không còn chỗ bắt bẻ được. Và nhờ không có giấy tờ, hay bằng chứng nào khác để buộc tội tôi hơn là lời khai của anh Tân mà tôi đã xác nhận là đúng. Tôi không hiểu sao lúc đó, đứng trước Tử Thần, tôi vẫn còn sáng suốt và giữ bình tĩnh trong một hoàn cảnh vô cùng tuyệt vọng.

Gần hai tiếng đồng hồ bị hỏi cung, và "ăn đòn", tôi ngất đi, bất tỉnh, ngồi bẹp xuống đất, nghèo đói qua một bên, tay chống ra sau để không té ngã.

Sau lệnh "Giam nó vô khám", hai người kéo tôi lên, tôi đi hết nổi, họ diu tôi đi từng bước ra khỏi phòng điều tra. Tuy đau đớn toàn thân, nhưng lòng tôi mừng khắp khỏi.

Ánh sáng mặt trời lên cao làm mắt tôi lòa không thấy; vài giây sau, tôi nhận thấy tay chun bầm, máu từ trên trán, gò má chảy xuống. Chim bằng giờ đây gãy cánh, phải có người xách nách dẫn đi, vừa đi vừa cà nhắc.

Khi đi gần đến chiếc xe cam nhông hồi sáng, tôi giựt mình, nghĩ trong bụng:

- Trời, từ sáng sớm tới giờ, 11, 12 giờ trưa, xe vẫn còn đậu đây, hành khách vẫn còn ngồi la liệt trong sân quận, họ chờ, chờ trong lo sợ coi tôi có nhìn mặt chỉ bắt ai không?

Sau khi tôi đi thẳng về hướng nhà giam, có lẽ họ thở phào nhẹ nhõm và chắc họ thắc mắc không hiểu tôi khai làm sao để họ được bình yên vô sự?

Cá Chậu Chim Lồng

Cửa nhà giam mở ra, tôi khập khễnh bước vào từng bước một, nằm bẹp xuống nền xi măng, im lặng nhắm mắt chịu đựng cơn đau đớn khắp cùng thân thể. Sau đó rất lâu, tôi mở hí mắt ra, ngạc nhiên biết bao vì thấy trên tường đầy vết máu của hàng trăm, hàng ngàn con rệp bò lên bị giết chết, xác còn dính trên đó. Bao nhiêu bạn tù nhìn tôi một cách ái ngại, không ai thăm hỏi một lời. Dường như họ quen với cảnh đánh đập này quá nhiều, người nào vô đến đây là thân thể đã "bị dợt" như tử rồi. Tù trong đây không đông như hồi tôi ở bót Catinat, lúc tôi vô khoảng chừng hai ba chục người, đa số nếu không nói tất cả, là dân vùng quê ruộng rẫy chung quanh.

Một lát sau, có người nói nhỏ vô tai tôi:

- Vô đây, đừng nói chuyện với ai hết!

Biết vậy, tôi nằm im thin thít, nhưng khát nước quá, nhìn quanh tìm hỏi nước uống. Lại cũng giống như ở bót Catinat, có một vòi nước kế bên nhà cầu, nhờ đó tôi có thể vận nước dễ dàng, sẵn đó, tôi cởi áo ra thấm nước, chùi các chỗ sưng hay dính máu. Nhờ đã trải qua cảnh nhà tù ở bót Catinat, tôi không lấy làm lạ về cảnh nhà giam nữa.

Chiều đến, người ta chở cơm vào cho tù, tôi không ăn được vì còn quá đau. Một lát sau, cửa nhà giam mở ra, có tiếng đông người lao xao, đó là mấy anh tù đi "lao công" trở về, hơn 20 người. Họ cười nói vui vẻ, hút toàn thuốc "Gaulois" của Pháp, lại bỏ ra một mớ bánh lát, đồ hộp cho anh em tù ăn.

Toàn thể con người tôi rêm cả, lâu lâu ho hay nhảy mũi, tôi xem chừng có khạc ra mảnh phổi nào hay không? Câu thơ của Alfred de Vigny đến trong tâm trí tôi: "Khóc than, rên siết, đều là hèn nhát". Tôi nằm mơ mơ màng màng, nghĩ đến chuyện này chuyện nọ, chắc gia đình và bạn bè tôi hay tin tôi bị bắt rồi, người nào quen biết tôi

nhiều chắc lo lắng; ông bà nuôi, anh chị em tôi khi biết tin này buồn rầu không ít, anh chị Ba tôi phải chạy đây đó "lo" cho tôi, lại tốn tiền nữa..., vì gia đình chỉ còn anh chị Ba tôi là thành trì nương tựa.

Đêm hôm đó, tôi nằm chiêm bao, thấy mình dẫn lính vô chiến khu bố ráp, thấy họ chở tôi trong xe bí bùng về Sài Gòn, bắt hết mấy người quen, anh chị em, kể cả ông bà nuôi tôi lên xe đem về nhốt chung trong khám. Khi mở mắt ra, thấy mình vẫn còn nằm bất động trong nhà giam, chung quanh là bạn tù, tôi mừng quá, vì đó chỉ là giấc chiêm bao.

Bạn tù chung quanh còn ngủ im lìm vì trời chưa sáng.

Qua khung một cửa sổ nhỏ gần nóc nhà có cây cân bằng sắt, ánh sáng mờ mờ lọt qua báo hiệu mặt trời sắp mọc. Tù nhân lần lượt thức dậy... Lát sau, có tiếng động bên ngoài, họ đến mở cửa cho tù ra, điểm danh và lựa một số đi "lao công".

Nên biết rằng mỗi ngày, vào giấc sớm, tù đi công tác bên ngoài như phụ làm đồn bót, khuân vác hành quân, lấp đường, sửa cầu bị du kích đào phá..., đến chiều mới về. Người ta lựa trong số người đã được hỏi khẩu cung xong xuôi, người mới bị bắt không tham dự. Đa số họ tình nguyện đi, vì ra ngoài mát mẻ, tự do đi lại, lại được lính Tây cho ăn đồ hộp, phát thuốc hút.

Tù ở đây không phải thường phạm, họ bị bắt vì là dân quân du kích, người các hội cứu quốc của Việt Minh, đa số là dân quê, nói năng cộc cằn, nhưng không lưu manh hay "đầu trộm đuôi cướp": cách đối đãi với nhau hiền lành, không có cảnh "tù chúa" ăn hiếp "tù con". Tôi là người duy nhất có vẻ thơ sinh nên mọi việc nặng nhọc như dọn nhà tù, làm vệ sinh..., có người "dành" hết. Nhà cầu ở đây rộng rãi,

có nước đầy đủ, hơn nữa, số người bị giam không đông, khoảng 60, 70, mùi hôi thúi chỉ quanh quẩn một góc thôi.

Nhưng có điều sợ nhứt là, theo lời anh em kể lại, lâu lâu nếu Tây đi hành quân nơi nào chung quanh đó mà họ thất trận, họ bắt một hai người tù ra bắn để trả thù.

Ba ngày sau, tôi bị kêu lên lần nữa, kỳ này không bị đánh đập, chỉ ký tên trên tờ khai. Như vậy, cơn sóng gió đã qua, chỉ lo sợ điều bất trắc. Rồi mỗi ngày trôi qua, con chim bị nhốt cảm thấy quen với lồng mới của nó, cùng một tâm sự như "Con Hổ" của Thế Lữ:

*"Gậm một mối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài trông ngày tháng lần qua,
Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già..."*

Cũng may là sức khỏe tôi không gặp gì rắc rối, tôi không hiểu vì sao...

Gần ba tuần sau khi bị bắt, tôi được kêu lên để nhận quà thăm nuôi, lúc đó chưa cho gặp hay nói chuyện. Chị Bảy và Chị Tám của tôi đứng từ ngoài cổng ngó vô, có thể thấy tôi đi. Từ trong này ngó ra, tôi thấy hai chị lấy tay chỉ chỗ về phía tôi, tay cầm khăn chùi nước mắt.

Tôi không được phép ra gặp mặt, chỉ ở bên trong nhận món quà. Trở về khám, tôi không buồn mở ra, vì như lần bị bắt trước, tôi nghĩ đến tình thương của gia đình gói ghém trong đây mà lòng đau thắt. Nghĩ đến hai chị phải lận lộn từ Gia Định lên Hóc Môn, nào đi xe điện, nào đi bộ mới đến chỗ này, mất cả ngày, để chỉ nhìn từ xa thằng em, thấy nó, biết nó còn sống, còn đi được, để về báo cáo lại cho tất cả gia đình biết. Tôi còn nghĩ thêm:

- Máy chị đâu có biết phổi, tim, gan... của em có thể đã vỡ từng mảnh trong đó rồi, nếu biết, máy chị còn buồn hơn nữa?

Hồi lâu, đến giờ cơm, tôi mở gói quà: bánh mì chả lụa là món thăm nuôi thông thường thời đó. Lâu ngày được đổi "thực đơn", tôi ăn thấy ngon quá, phần còn lại cộng với bánh tét, xôi, tôi chia cho các bạn tù. Một số người tù khác, phần nhiều từ vùng quê, đâu có ai gởi quà thăm nuôi, một phần vì họ nghèo, một phần vì gia đình không dám bèn mảng đến chỗ công đường.

Gần một tháng sau, người ta kêu tôi ra, tôi mừng quá, nghĩ là mình được thả. Tôi ngạc nhiên thấy ngoài sân có chiếc xe Jeep không có mui đậu sẵn, họ bắt tôi leo lên phía sau ngồi, không cột trời gì cả, rồi chở tôi đi... Mặc dầu vùng Hóc Môn khá quen thuộc với tôi hồi thời thơ ấu, nhưng tôi không biết họ chở đi đâu, tôi bắt đầu lo, nhớ lại lời mấy người cho biết là tù có thể bị bắn để trả thù. Xe chạy mau, đường cát bụi tung lên, gió thổi tóc tôi dựng ngược về phía sau, tôi nhìn quanh quẩn để nhận định phương hướng.

Lát sau, xe quẹo vào một doanh trại, gồm toàn lính Lê Dương, đội mũ trắng. tôi nghĩ trong đầu:

- Ủa, tại sao họ giao mình cho lính Lê Dương, một là để mình dẫn đường hành quân lên chiến khu, hai là đem mình ra bắn chứ gì?

Tưởng nên nói rõ thêm về lính Lê Dương. Nước Pháp, ngoài lính chánh quy, còn có một đạo binh, đi đánh giặc ngoài nước Pháp, gọi là lính Lê Dương (Légion Étrangère) gồm đa số là người da đen các quốc gia thuộc địa của Pháp vùng Phi Châu, như Sénégal, Congo, Algérie, Maroc, v.v... Sau thế chiến 39-45, đạo binh này lại gồm thêm người da trắng các quốc gia Âu Châu bại trận như Đức, Ý, Tiệp Khắc..., và một số quốc gia Châu Âu khác: họ vào đoàn quân Lê Dương vì miếng cơm manh áo.

Chiếc xe Jeep ngưng trước một văn phòng rộng lớn có lính gác nghiêm nhặt. Tôi sợ quá thành ra hết sợ, nghĩ mình không thể can nổi số mạng của mình, lại nhớ đến câu Kiều để tự an ủi: "Cũng liều nhắm mắt đưa chân, thử xem con tạo xoay vần đến đâu!"

Tôi nhìn thấy tấm bảng nhỏ trước cửa phòng đề:

"13ème Demi- Brigade de Légion Étrangère, Tribunal Militaire",

tôi hiểu là "Bán Lữ Đoàn Lê Dương thứ 13, Tòa Án Quân Sự". Thì ra, họ đưa tôi ra Tòa Án Quân Sự. Thời đó, nghe đến Tòa Án Quân Sự, ai cũng sợ, vì tòa này là tòa chiến tranh, họ có thẩm quyền rộng rãi, bắt nhốt không cần xét xử, muốn giam bao lâu cũng được tùy theo họ xét hồ sơ.

Tại chỗ này, toàn là Lê Dương da trắng. Đến phiên vào hầu Tòa, tôi đứng nghiêm chỉnh trước các sĩ quan Pháp mặc quân phục ngồi sau dãy bàn, họ lấy hồ sơ ra, chỉ hỏi tên tuổi tôi và bàn cãi gì với nhau trong vòng độ năm mươi phút, xong cho tôi ra ngoài không hỏi gì hơn nữa. Tôi cũng không hiểu họ muốn làm gì đối với số phận của tôi, thôi mặc kệ! Xe Jeep lại đưa tôi trở về nhà giam như trước, không ai cho biết rõ điều gì.

Tôi tự hỏi: "Tại sao họ chỉ chờ một mình tôi đi, một mình tôi ra Tòa, trong khi trong khám còn biết bao nhiêu người, tôi lại bị cho đi riêng rẽ, rồi lại nhốt tôi trở lại, và sau nữa, sẽ ra sao, thả hay không thả?"

Bao nhiêu câu hỏi không tìm được đáp số. Đây rồi mấy ông bạn tù nghĩ gì về tôi, lại nghi ngờ là Phòng Nhì (Phòng Tình Báo) của Pháp tổ chức tôi làm "do thám"?

Thân tôi như chiếc lá giữa dòng, nước chảy tới đâu mình trôi tới đó. Ba ngày sau, lại mở cửa nhà giam, họ kêu tên tôi. Tôi suy nghĩ:

- Kỳ này thật rồi đó, thả ra là cái chắc!

Tôi đi ra khỏi cửa nhà giam tràn trề hy vọng, nhìn về phía cổng ra xem có bà con nào đến rước tôi về hay không, chỉ thấy cảnh vắng người dưới nắng trưa gay gắt. Lại chiếc xe Jeep không mui chờ tôi đi.

Xe chạy đến doanh trại lính Lê Dương hôm trước. Lần này, tôi không ra tòa, nhưng vào trại tù binh, kể như tôi bị bắt ngoài mặt trận, thuộc thẩm quyền của tòa án chiến tranh.



Chương 12

Tù Binh



Trại tù

Một khu nhà rộng lớn nằm giữa đồng trống thuộc quận Hóc Môn: đó là nơi đồn trú của Bộ Chỉ Huy Bán Lữ Đoàn Lê Dương thứ 13 của Pháp.

Tôi được đưa vào đó và dẫn ra phía sau để nhập trại tù. Đây là Thành Ông Năm, vì nơi đây được đặt dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan cấp Đại Tá, nôm na là Quan Năm.

Trại tù gồm có nhiều dãy nhà lợp lá, vách bằng tre đan, nền đất. Người ta dẫn tôi đến một cái giường còn trống. Lúc tôi đến, trại chỉ có một số ít người, vì tù binh đi lao công bên ngoài chưa về. Nhìn quanh, tôi thấy nơi này mát mẻ, gió thổi hiu hiu làm tôi thấy dễ chịu, mặc dầu lúc đó là trưa nắng. "Thời mình dễ thờ lúc nào thì mừng lúc đó", tôi nghĩ như vậy.

Nhờ đất vùng này là cát trắng, giống như toàn vùng Trung Chánh, Quán Tre, nên xem rất sạch sẽ. Nơi ngủ của

tù binh là những chõng tre, lót bằng tre đan, có thể nằm ngủ chung năm sáu người một giường. Dọc theo các dãy nhà, có đường mương tháo nước mưa, phía xa, có dãy nhà tắm, nhà cầu, và một khoảng đất trống rộng cho tù binh chơi, tất cả đều nằm trong vòng rào kẽm gai, có lính gác ngày đêm.

Sau này, thời Việt Nam Cộng Hòa, trại này được giao cho Công Binh Quân Đội, chứa vật liệu xây cất đường sá, cầu... và xe cơ khí. Năm 1975, khi quân Cộng Sản Bắc Việt vào chiếm Miền Nam, nơi này được biến thành trại nhốt sĩ quan Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, chờ phân phối đi các trại giam ở vùng ma thiêng nước độc trong Nam, miền Trung và ngoài Bắc.

Chiều lại, tù binh được xe cam nhông chở về, khoảng 100 người, có người lặng thinh bước vào với vẻ mệt nhọc, có người nói nói cười cười với nhau. Sau màn tắm rửa xong xuôi, có xe nhà thầu chở đồ ăn đến.

Điều làm tôi ngạc nhiên là không có gạo lúc khô mực, đây là cơm trắng, không trắng lắm vì thuộc loại rẻ tiền, cộng thêm cá, thịt kho và một ít rau cải xào, v.v... Tù binh lần lượt đem chén đĩa, lon của mình ra lấy đồ ăn, mỗi người tìm một góc hay chung bạn bè ngồi lại.

Sau này, tôi được biết là tù binh cũng có khẩu phần ăn hằng ngày ấn định cho mỗi người, giống như lính, nhưng số lượng ít hơn: bao nhiêu gờ ram gạo, muối, đường, cá, thịt... Việc nấu ăn là do nhà thầu phụ trách, chứ không do tù nấu.

Theo trên, nói là Thực Dân Pháp xâm chiếm nước ta, nhưng họ có đường lối nhân đạo phải tuân theo. Họ tỏ ra là người quân tử, không đánh người ngã ngựa: kẻ thù của họ sau khi bị bắt, vẫn được đối xử với tình người, được lo cho ăn uống đàng hoàng, có nơi ăn chỗ ở thỏa đáng.

So sánh trại tù binh này với các trại tù "cải tạo" của Cộng Sản sau 1975, người ta có thể biết đâu là địa ngục, đâu là thiên đàng. Nhắc đến cái khổ ở trại tù binh này chỉ làm trò cười cho các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa ném mùi tù Cộng Sản quá xốt xa.

Trở lại bạn tù mới gặp. Họ nhìn tôi xem như xa lạ, vì toàn là người ở vùng quê này, như có nói ở đoạn trước. Họ không hiểu từ đâu lại lọt vào đây một gã thành thị, yếu ớt, nước da "tròn nắng". Thông thường, ở đây, tù với nhau dè dặt lắm, không ai nói chuyện với ai ngoài vài câu xã giao, vì không ai tin ai cả. Một người hỏi tôi:

- Anh mới vô hả, bị đòn dữ hôn?

Sau vài câu chuyện qua loa, mạnh ai lo chỗ ngủ.

Khoảng 9 giờ đêm, có tiếng kèn thổi "tố tè tố te, tố tè to té" báo tin đến giờ ngủ. Đèn điện trong trại tắt. Tiếng kèn thổi này quá quen thuộc với người dân Việt Nam, vì chỗ nào có lính đóng quân là có tiếng kèn đó.

Lần đầu tiên sau bao năm tháng, tôi được ngủ một giấc an lành, không hồi hộp, không lo lắng. Có người gác cho mình ngủ, không ai tìm bắt mình, không sợ thằng Tây bắt nạt mình vì vợ nó cười với mình, không còn sống nay đó mai đây! Vô đây rồi, chỉ còn chờ ngày được thả. Chỉ buồn cho gia đình, vì ở nhà sẽ thiếu hụt bao nhiêu cái khổ tôi có thể gặp phải, chắc ông bà nuôi tôi đọc kinh mỗi đêm, nhắc đến tên tôi bao nhiêu lần và cầu nguyện cho tôi.

Mỗi sáng, tiếng kèn đánh thức lại vang lên, tù chuẩn bị lên đường đi lao công. Tôi cũng trong tư thế sẵn sàng để đi, nhưng ngày một, ngày hai, không ai nhắc đến tôi, bao nhiêu người đi, riêng tôi bị bỏ lại. Tôi lo rằng đây rồi tù binh khác sẽ nghi là tôi được Tây cho vô trại để dò xét họ. Cũng có người cho tôi là giống "Tây lai" nên họ càng nghi tôi là do thám của Tây.

Lối một tuần sau, khoảng 4 giờ chiều, trong khi tôi ngồi đọc sách trên chõng tre, tôi thấy từ xa một người đi xuống, ông mặc áo choàng trắng, bỏ lửng hai vạt áo không cài nút, để lộ bộ quân phục kaki bên trong. Tôi nghĩ trong bụng:

- Chà, ông bác sĩ nào đi tới!

Ông ngó dáo dác chung quanh, có lẽ đi kiểm soát sạch sẽ doanh trại. Thấy ông đi về hướng mình, tôi đứng dậy chờ ông đến. Ông lấy làm lạ, hỏi tôi bằng tiếng Tây bồi theo như người ta thường nói với người không biết tiếng Pháp:

- "Toi, pas corvée?" (mày, không đi lao công?).

Tôi trả lời một cách lịch sự:

- Je ne sais pas Monsieur, on ne m'a pas appelé pour la corvée" (Thưa ông, tôi không biết, người ta không gọi tôi đi).

Ông ngạc nhiên:

- Ủa, mày biết nói tiếng Pháp hả? (bằng tiếng Pháp).

Tôi trả lời là tôi biết và ông khen tôi nói tiếng Pháp giỏi. Ông dặn tôi chờ ông ở đó, để lát sau ông trở lại: Je reviens.

Trong khi nói chuyện với ông, tôi thấy ông đeo lon Trung Sĩ Nhứt, tiếng Pháp là Sergent Chef, nhà binh thường kêu tắt là Xếp (Chef). Ông còn đeo thêm dấu hiệu "Con Rắn", biểu tượng ngành y. Ông này tướng mạo, lùn lùn, mặt đỏ, tóc nâu dính sát vào đầu (sau này, tôi biết mặt ông đỏ vì ông uống rượu chát quá nhiều).

Lát sau ông trở lại; theo lệnh ông, tôi bước theo ông đến Bệnh Xá (Infirmerie), ông nói với tôi:

- Tao coi bệnh xá này, mày biết băng bó, chích thuốc không?

Không đợi tôi trả lời, ông nói tiếp:

- Băng bó dễ lắm, nếu mày không biết, tao chỉ cho mày.

Tôi từ tốn trả lời:

- Dạ tôi biết, biết băng bó và biết chích nữa.

- À, như vậy thì tốt quá, để tao nói với người cai trại, mai này, mày lên làm với tao. Bây giờ mày có thể về trại, mai, tới giờ đi lao công, mày lên đây!

Tôi cảm ơn ông và lặng lẽ ra về, bồn chồn trông cho đến ngày mai xem sao.

Việc biết băng bó, biết chích, không phải là chuyện tôi bịa đặt. Đó là sự thật, tôi biết, không do học trường nào dạy, vì khi theo Thanh Niên Tiền Phong, tôi có học căn bản về cứu thương, cũng có chích cho bạn bè với nhau.

Kỷ niệm chích cho người ta, có lần làm tôi "điếng hồn". Là khi tôi ở đậu nhà nọ, một hôm có người bạn bị cảm cúm, ho, có ghé nhà đem theo ống thuốc Solucamphre (thuốc ho) nhờ tôi chích giùm. Hai anh em ngồi nói chuyện trong khi chờ tôi nấu nước sôi khử trùng ống chích và kim. Thuốc này là loại chích qua mạch máu, tôi có thể chích không khó khăn.

Sau khi tôi bơm thuốc vào tay anh, anh nói thấy mặt mày xây xẩm... Tôi hết hồn nói với anh:

- Anh nằm xuống cho đỡ mệt, chờ xem sao?

Tôi lo quá, không biết việc gì sẽ xảy ra đây?

Một hai phút trôi qua, tôi hỏi anh có khỏe hơn không, anh lắc đầu:

- Tôi cảm thấy nóng rần rần trong mình...- lời anh nói.

Tôi càng sợ hơn nữa:

- Sao đỡ chưa, đỡ chưa? - tôi cứ hỏi, trong khi bên ngoài, trời chạng vạng tối, anh cần phải về nhà vì lệnh giới nghiêm, ở vùng này, tôi không được ra đường.

Lát sau, anh ráng ngồi dậy được, tôi dìu anh ra xe đạp, chờ anh leo lên xe, đẩy phụ cho anh có trớn. Lòng bồi hồi, tôi canh chừng xem anh có té xỉu xuống đường để chạy lại cứu. Bóng anh chìm lẫn trong màn đêm, tôi thấy mình thoát một cơn ác mộng. Từ đó trở đi, tôi bỏ "nghề chích dạo". Sau này, tôi biết là tôi bơm thuốc vô mau quá nên anh bạn ngất xỉu.

Trở lại việc ông y tá Lê Dương cho tôi làm việc tại bệnh xá. Đêm hôm đó, tôi thao thức mãi, vì hai việc:

Một là mừng có một việc làm nhẹ, hợp với sức khỏe của tôi, nếu không, một ngày nào, họ sẽ "lôi" tôi đi làm lao công, có thể nặng nhọc và nguy hiểm, đôi khi họ bắt đi khiêng đạn, hoặc nếu đi theo hành quân để thông ngôn, cuộc đời sẽ như chỉ mảnh treo chuông.

Hai là câu nói của ông y tá "Je reviens" (Tôi trở lại) nhắc tôi đến món quà (chai dầu thơm) tôi tặng "người đẹp" năm xưa có nhãn hiệu "Je reviendrais". Sau bao nhiêu biến cố dồn dập đến đời tôi, tôi quên mất chữ này rồi; hôm nay, ông vô tình khơi động lại đồng tro tàn của quá khứ. Trần trọc mãi, tôi lần lần hình dung lại lớp tro thời gian, tôi nhận thấy mảnh than đỏ tình yêu chớm nở đó hôm nay âm ỉ lại trong lòng tôi.

Bình tâm trở lại, tôi thấy vẫn còn thương nhớ một người, người đó có còn nhớ đến tôi không? Rồi tự trả lời:

- Có lẽ nhớ chớ, tình cảm của nàng đối với tôi không chỉ là cơn gió thoảng, chắc phải có nét gì sâu đậm hơn, mặc dầu, lúc trước, nhiều lần tôi tự an ủi bằng mấy câu thơ của Lưu Trọng Lư:

*"Em ngồi trong song cửa,
Anh đứng dựa tường hoa,
Nhìn nhau và lệ ứa,
Một ngày một cách xa."*

Không hiểu nàng có biết tôi bị bắt hay không? Đường không xa, không khó, giang sơn không cách trở, Hóc Môn, Bình Hòa chỉ hơn mười cây số đường xe, nhưng nàng còn cha mẹ, bà con, cả hàng rào lễ giáo, làm sao dám bộc lộ tình cảm của nàng cho ai biết hay đường đột lên thăm tôi? Nàng chưa bao giờ thốt lên tiếng nói con tim, làm sao trách nàng được? Hôm nay, tôi là người tù, một người thuộc nấc thang thấp tột cùng trong giai tầng xã hội, vô gia cư, vô nghề nghiệp, không nên nghĩ quá xa để rồi vỡ mộng, chuyện gặp lại nhau chỉ có thể là giấc mơ thôi!

Tôi chìm trong giấc ngủ lúc nào không hay cho đến khi tiếng kèn đánh thức làm tôi tỉnh dậy...

Y Tá Bất Đắc Dĩ

Hai ngày đầu bỡ ngỡ với công việc mới, tôi chưa quen ông chích đề chỗ nào, mấy cuộn băng sắp đặt ra sao, thuốc aspirine, sulfamide, mercurochrome... trên kệ nào? Qua ngày thứ ba, công việc đâu vào đó, học trò này học khá mau!

Bệnh nhân nơi đây thuộc loại nhẹ, về thương tích chỉ những vết thương không nguy đến tánh mạng, về bệnh hoạn thường là nhức đầu, ho cảm, đau bụng, đi cầu... Bệnh nặng, đã có nhà thương lớn hơn, có bác sĩ, y tá.

Xếp Robert, (theo như người ta gọi ông) vừa là y tá trưởng, vừa là phụ y tá và thư ký luôn. Vì đó, ông quan trọng lắm, làm mọi việc. Nơi đây là một bệnh xá dành cho Bộ Chỉ Huy của Bán Lữ Đoàn Lê Dương, không đông người. Linh ở đây hoàn toàn da trắng, không có người da đen, người Phi Châu mặt gạch thuộc Sénégal, Congo hay Chà Chóp Maroc.

Đến ngày thứ ba tôi làm trên bệnh xá, buổi trưa, sau khi vắng bệnh nhân, Xếp Robert kêu tôi vô ngồi gần ông hỏi chuyện:

- Ở dưới, đồ ăn, ăn được không?
- Dạ được.
- Ngủ thì sao?
- Dạ cũng tốt, có mấy bữa gió nhiều, lạnh chút thôi.
- Vậy mày lên đây ngủ!

Tôi ngó dáo dác, tìm xem chỗ nào để ngủ, sau đó, tôi hỏi ông:

- Tôi ngủ chỗ nào?

Ông liền trả lời:

- Mày ngủ trên giường tao!

Tôi hỏi gặng lại:

- Vậy là tôi ông lên bộ chỉ huy ngủ hả?

- Không, tao ngủ tại bệnh xá đây, mày lên ngủ chung với tao!

Vừa nói ông vừa lấy tay rờ nhẹ lên xuống trên lưng tôi. Tôi hết hồn, nghĩ ngay là ông này muốn làm trò "nham nhò" nên lắc đầu trả lời ngay:

- Tôi là tù binh, tôi phải ngủ dưới trại, tôi không thể ngủ chung với ông.

Ông vẫn tiếp tục rờ mình tôi và nói:

- Không sao đâu, mày ngủ với tao, tao thương mày, mày ăn chung với tao!

Tôi tiếp:

- Xin lỗi ông, tôi không làm vậy được, xin ông cho tôi trở xuống trại...

Xếp này tuy tư tưởng sai lệch, nhưng không quá tệ:

- Thôi mày không muốn thì thôi, cứ tiếp tục làm việc với tao!

Và từ đó, Xếp không bao giờ nhắc đến chuyện đó nữa.

Từ ngày có tôi phụ giúp, Xếp Robert được rảnh tay hơn. Công việc lật vật như ghi chép, dọn dẹp bệnh xá, chùi

rửa, xúc thuốc, băng bó vết thương, Xếp Robert giao cho tôi phụ trách.

Làm việc ở đó, tôi được ông cho ăn trưa, tuy không phải khẩu phần đầy đủ như lính, nhưng là quá tốt, và nếu là đồ ăn dư của lính hay một khúc bánh mì săng đá đi nữa, cũng là quá an ủi cho một người tù. Bánh mì săng đá (từ chữ soldat là lính) ăn dẻo và để lâu được. Chiều về, ăn ở trại, lâu lâu có thịt ba rọi kho, bầu ướp xào, ăn đổi món với cơm, còn đòi hỏi gì hơn? Gặp ngày chủ nhật hay ngày lễ, lâu lâu có gà, mặc dầu là gà kẹt giỏ, nhưng nhai mấy miếng để thưởng thức mùi vị thịt gà.

Sau khi tôi nhập trại lồi ba tuần, một ngày chủ nhật, ngày thăm nuôi, có người kêu tên tôi cho hay có người nhà thăm viếng. Tôi nghĩ ngay là gia đình đã theo dõi từng bước tôi đi, càng cảm động hơn.

Vừa bước ra thấy chị Bảy, chị Tám, em trai thứ Mười, tôi rung rung nước mắt, hai chị khóc òa lên, chú Mười gỡ kiếng đen ra chùi nước mắt.

Rồi bao nhiêu câu hỏi dồn dập:

- Em có sao hôn..., bị đánh dữ hôn..., sao em xanh quá vậy?

- Máy chị có đem cho em mớ quần áo để thay đổi, chút đồ ăn để đỡ đói, ai cũng hỏi thăm em hết, Bà Tư (bà nuôi tôi) dặn có mấy chai dầu mặng Nhị Ý, quý lắm, lúc nào nhứt đầu, đau ốm, lấy ra mà xúc...

Tôi kể sơ sơ về việc bị bắt, dấu cảnh đau đớn bị đánh đập vì không muốn cho gia đình buồn lòng, tôi còn nói thêm:

- Ở đây, em có đầy đủ đồ ăn, đừng đem lên cho em gì nữa hết, mấy chị cũng không cần đến thăm thường, lâu lâu có cần gì, em sẽ viết thư về. Hiện giờ em còn bị giam để theo dõi, không biết chừng nào được thả, nhưng ở đây như vậy là tốt lắm rồi, chỉ mất tự do thôi.

Tôi còn chọc cười:

- Chùng nào về, em hát lại bản "Đời ta tươi vui như hoa hồng thắm" cho cả nhà nghe!

Chị Bảy bật cười lên, mà vì hai mắt còn đỏ hoe nên giống như mếu:

- Thằng này đến nước này cũng còn diều!

Chú Mười xen vô:

- Về lẹ đi, chờ tui đi xe máy, thử té lần nữa coi!

Chú nhắc việc này vì có lần chở nhau đi xe đạp, hai anh em té nhào xuống đường xây sát mình mẩy.

Ngày chủ nhật thăm nuôi (một tháng một lần) rộn rịp với quang cảnh phòng thăm nuôi đầy quần áo đen, nón lá... của các gia đình từ vùng hẻo lánh lặn lội tới đây gặp chồng, con, anh, em. Họ đem đến nào bánh tét, bánh ít, bánh trắng, có người còn đem theo dừa, dưa hấu từ mảnh đất của họ..., người nào người nấy đây vẻ lo âu, nước mắt chan hòa với nụ cười.

Cảnh từ già nãi nùng không ít. Người vợ muốn chồng về sớm, nghĩ rằng chồng muốn về lúc nào cũng được:

- Tía (ba) nó găng dĩa (ráng về) sớm, còn lo gieo ba đám mạ cho kịp mùa mưa!

Anh bạn tù khác lúc nào cũng nghĩ đến bà mẹ già:

- Má nó ở nhà nhớ lo cho bà nội!

Ông nọ ngày đêm nguyện cầu Phật:

- Tao mà địa được kỳ này, tao ăn chay ba tháng!

Nghĩ lại sao lúc đó, con người không quá hung dữ như sau này: tù binh không sát hại lẫn nhau, không có cảnh trốn trại, đi lao công bên ngoài cũng không bỏ chạy, ít nhất theo tôi biết trong thời gian bị giam giữ. Trại giam cũng dễ dãi, không hạn chế thời gian thăm viếng, không có ai canh chừng hay nghe ngóng câu chuyện gia đình của tù nhân...

Tôi trở về trại, lần lượt mở mấy món quà: bao nhiêu mớ xôi, nước mắt, ân tình gói ghém bên trong. Vẫn bánh mì chả lụa có rắc chút muối tiêu, cho nên về sau này, lúc nào ăn bánh mì chả lụa, tôi liên tưởng đến mấy lần bị Tây bắt.

Từ khi tôi lên làm ở bệnh xá, nhờ làm việc này, tôi có cảm tình với nhiều người. Trước nhất là mấy anh lính Lê Dương, họ thích tôi chăm sóc cho họ vì mình thân phận tù binh, mấy ông muốn băng bó ra sao, xin thêm thuốc gì, tôi đều tìm cách làm vui lòng họ. Có nhiều người, khi đến đó, chỉ chờ cho tôi băng bó.

Tôi cũng có chích cho họ nữa (chích thịt), chích bằng "cách không đau". Đó là lối chích "giương đồng kích tây": sau khi thoa cồn lên chỗ muốn chích, lấy tay trái đè lên chỗ khác để đánh lạc hướng, trong khi đó tay mặt phóng mạnh kim chích vào thịt, người bị chích không hay, sau đó, bơm thuốc vào.

Ở đây đủ giống dân Âu Châu, từ ông Pháp mắt nâu, tóc nâu, đến người Đức, mắt xanh, tóc, lông mày, lông nheo, lông tay vàng khè. Người Ý nhỏ con, tóc đen, da sậm, đến người Thụy Điển, Na Uy to con cao lớn như kênh kông. Mấy ông Tiệp Khắc to xương, mặt rộng... Ít người nói rành tiếng Pháp. Thỉnh thoảng, họ cho tôi đồ ăn hộp khi đi hành quân về còn dư, có cho thuốc hút nữa, do đó tôi có thể làm quà cho một số bạn tù khác.

Ngoài ra, có mấy tù binh trong trại được cho lên trị bệnh, Xếp Robert giao cho tôi chăm sóc. Thêm được một số người có cảm tình với tôi.

Bệnh xá này lâu lâu tiếp mấy cô gái điểm Việt Nam, từ một "bọt đèn" gần đó (bordel là nhà chứa gái điểm dành cho lính). Từng hạn kỳ, mấy cô được chở đến để Xếp

Robert khám về bệnh phong tình. Mỗi lần mấy cô đến, gần cả chục cô, là rùm cả bệnh xá, đầy tiếng chửi thề, nói tục, la lối om xòm, giồng như cảnh ngoài chợ.

Một lần đó, một cô vào bên trong phòng khám; giây lâu, có tiếng lớn từ phòng vang ra, không nề gì Xếp Robert đang lẳng xẵng cúi đầu qua lại xem xét:

- Tổ cha thằng này, nó dê quá tụi bây ơi! Bà nội nó, nó mò dũ quá tụi bây ơi!

Lại một cô khác lên tiếng từ bên ngoài:

- Bữa nay, mặc sức cho nó gỡ đi mây!

Tình trong mộng!

Tại bệnh xá này, thỉnh thoảng có vài nữ tù binh, từ một trại biệt lập gần đó (tôi không biết ở đâu) được chở đến điều trị cảm, ho, hay thương tích. Trong cảnh tù tội, thấy vài cô gái Việt Nam, tóc để kiểu bôm bê, ngắn không tới vai, trong khi đa số cô gái thời bấy giờ bới đầu hoặc kẹp tóc, tôi cảm phục và thương hại vô cùng: các cô đã hy sinh đời son trẻ, chân đã đạp bao nhiêu sỏi đá, sinh lây, gai góc trên đường giành tự do, cơm áo cho dân tộc, đã bao lần chạy Tây, chui trốn xuống ao hồ, vì ai, cho ai, giờ này sa cơ thất thế?

Trong số đó có một cô làm tôi chú ý vì đôi mắt vô cùng quyến rũ. Da cô trắng, miệng nhỏ, mắt đen như hai hột nhãn, tưởng chừng như hai vực thăm. Cô luôn nhìn vào cõi xa xăm, nét mặt buồn buồn như có tâm sự gì.

Sau khi cô khai tên tuổi, nghe giọng cô nói, tôi biết cô là người miền Bắc. Thời đó, chưa có phong trào di cư, rất ít có người Bắc trong Nam. Lần sau, lại gặp cô, vẫn đôi mắt thần thờ, như cuộn lòng người vào cảnh mộng mơ.

Khi ra về, cô thỉnh thoảng quay lại nhìn tôi, như còn lưu luyến. Giá mà ngoài đời, cuộc gặp gỡ này không gì đáng nhớ, nhưng đây, trong cảnh lao tù, mình mới thấy giá

trị của nó: tôi với cô cùng chung cảnh ngộ, là kẻ bị cảnh tù ngục, dễ thông cảm nhau hơn. Tình thương hại lúc đầu đổi thành nhung nhớ.

Mấy lần sau trở lại, cô với tôi cũng chỉ trao đổi vài câu xã giao, vì chỗ đông người, thời gian có hạn, và có nhiều bạn cô cùng đi theo. Tôi cũng không có thời giờ để hỏi cô nhiều như mong muốn: vì sao bị bắt, tại đâu, sức khỏe thế nào, gia đình ở đâu?

Tôi chỉ thừa lúc ghi tên cô mỗi lần đến khám hay mỗi khi cấp thuốc cho cô, dặn cô uống bao nhiêu lần, để hỏi thăm sức khỏe. Cô cũng chẳng bao giờ hỏi về tôi, dù rằng một câu nho nhỏ, nhiều lắm là cô gật đầu hay nhếch một nụ cười kín đáo, để lộ hàm răng trắng nhỏ xinh xinh.

Cô rất dè dặt, ít nói, có lẽ chỉ bày tỏ tâm tư bằng cái nhìn của đôi mắt quyến rũ làm sao ấy! Lần lần ánh mắt trở nên đậm đà hơn, cho đến lúc hai người thay đổi cách xưng hô, từ "tôi, cô, anh," biến thành "anh với em" lúc nào không biết. Mỗi lần ra về, cô luôn nhìn lại, nói nho nhỏ: "Em về anh nhé!", tôi nói tiếp: "Em ráng giữ gìn sức khỏe!"

Rồi ngày qua ngày, chim hồng vắng bóng, cánh nhạn đã bay đi phương trời nào, để cho người ở lại một mối tình nhẹ nhàng, sớm nở chiều phai, với đôi mắt làm say đắm lòng người!

Một mối tình theo gió mây bay..., giống như mấy vần thơ của Thái Can:

"Anh biết em đi chẳng trở về,
Dặm ngàn liễu khuất với sương che,
Em đừng quay lại nhìn anh nữa,
Anh biết em đi chẳng trở về".

Anh bạn Lê Dương

Ngoài tình cảm trên, tôi có quen anh lính Lê Dương người Đức, anh này được may mắn không đi đánh giặc.

Theo tôi hiểu, có lẽ nhờ anh biết vẽ, có tài trang trí nên Bộ Chỉ Huy đặt anh làm ở văn phòng. Tôi muốn kể dài dòng về anh này vì về sau, sau khi tôi được thả về, anh có đến thăm tôi, cũng như sau này khi tôi đi Pháp học, tôi có qua Đức thăm anh và được gia đình anh tiếp đãi nồng hậu.

Anh có phòng làm việc riêng một mình, sát bên bệnh xá. Nhiều lần đi ra đi vô, anh nhìn tôi cười cười và làm quen với tôi. Anh nói được tiếng Pháp, nên tôi với anh mau hiểu nhau. Tên anh là Helmut Loft, cùng tuổi với tôi. Tương người anh thon cao, mắt xanh, tóc vàng, môi đỏ. Nói chuyện với tôi, anh luôn luôn ngó thẳng vào mắt tôi, miệng mỉm cười, rất dễ gây cảm tình.

Khi làm ở bệnh xá, lúc nào rảnh, tôi vô phòng anh ngồi, vì phòng anh không có cửa, có ai đến bệnh xá, tôi trông ra. Tôi xem anh vẽ và nói chuyện chơi với anh.

Tôi có học tiếng Đức từ trước, học một mình, qua cuốn sách "L'Allemand sans peine", nhưng tiếng Đức dài và khó nói, tôi chỉ bập bẹ vài chữ "Ya" là dạ, có, "danke sheun" là cảm ơn, "Bitte sheun" không có chi, "Ich weiss nicht" tôi không biết, v.v. Trong sách đó, thỉnh thoảng có nhiều bài kể chuyện vui cho người học dễ nhớ.

Một bữa nọ, tôi muốn khoe tiếng Đức của tôi cho anh, tôi xin anh tờ giấy và ngồi tại đó viết ra bằng tiếng Đức một câu chuyện dài năm sáu hàng chữ, xong tôi đưa cho anh xem. Chuyện như sau:

Một anh họa sĩ vẽ hình hai vị thiên thần, nghĩ rằng tác phẩm mình đẹp, đem khoe với một họa sĩ khác. Anh thứ nhì trầm trồ khen, nhưng lại chê anh kia vẽ trật.

- Tại sao trật, trật chỗ nào?

- Trật vì anh vẽ thiên thần có mang giày!

Anh họa sĩ thứ nhứt giận quá:

- Vậy anh có bao giờ thấy thiên thần không mang giày chưa?

(Phụ chú: Thiên thần chỉ thấy trên hình vẽ, làm sao biết có mang giày hay không?)

Sau khi đọc xong, anh Loft nhìn lên tôi, đôi mắt tròn vo tỏ ra ngạc nhiên, vừa cười vừa khen tôi viết đúng, không có lỗi, từ đó, anh càng mến tôi hơn.

Thỉnh thoảng anh đi phép về Sài Gòn, tôi nhờ anh đem thơ về cho gia đình, tại quầy bán cà phê Meilleur Gout của anh chị tôi. Gia đình muốn nhắn gì cho tôi, cũng nhờ anh. Tôi cũng có nhờ anh mua một ít tạp chí Pháp như Paris Match, Noir et Blanc để xem giải trí. Mấy người tù khác thấy tôi đọc sách Pháp càng "ngghi ngờ" tôi hơn nữa.

Tôi cũng quen một anh Lê Dương người Đức khác, quê ở Frankfurt, anh chàng này đi chiến đấu, bị thương, thỉnh thoảng lên bệnh xá và chỉ chờ tôi chăm sóc cho anh. Anh không nói được tiếng Pháp, lâu lâu tôi bập bẹ vài tiếng Đức với anh làm anh bật cười. Anh này sau khi giải ngũ, qua Úc Châu mở tiệm uốn tóc.

Xếp Robert vẫn tiếp tục công việc hằng ngày của ông, ông không cần phải nhắc tôi, ông chỉ ghi trên sổ, tôi làm theo.

- Họ: cho uống thuốc nước eucalyptine;
- Khi ông ghi giác ống hơi, tôi "đề" bệnh nhân xuống giác cho họ;
- Thương tích nhẹ, dễ thôi: rửa nước tím, thoa mercurochrome, rắc bột sulfamide, băng lại nếu vết thương to...

Chính vì tôi chữ nghĩa khá, thân thiện nhiều với lính Tây đến trị bệnh, sống thoải mái hơn tù khác trong trại, bạn tù nghi tôi "làm do thám" cho Pháp, họ cách xa tôi hơn, ngoại trừ hai anh bạn có trình độ học vấn khá thường chơi

với tôi. Hai anh này thỉnh thoảng nói cho tôi biết thái độ đó của mấy bạn tù.

Nhưng làm sao hơn được, tôi đâu có chỉ chốt, báo cáo làm hại ai? Đối với kháng chiến, tôi đương nhiên trở thành kẻ thù của họ! Nhưng trước khi tôi bị xem là kẻ thù của họ, từ lâu tôi đã có ý nghĩ xa lánh họ rồi: trong thời gian chung sống với họ, tôi thấy "người Cộng Sản không có trái tim".

Tù ăn hối lộ

Sau này, trại phải cử hai người tù mỗi tuần một lần đi theo kiểm soát nhà thầu trong khi họ đi chợ, xem họ có mua đồ hư thúi cho tù ăn hay không? Trại lựa người chữ nghĩa khá, trong đó có tôi.

Nhiệm vụ là sau mỗi lần đi về, lập tờ trình gởi lên trưởng trại về thức ăn do nhà thầu mua để nấu cho tù ăn.

Nhà thầu đến chở tôi với một người bạn tên Chắc ra chợ Hóc Môn.

Lâu ngày được tự do, cá gặp nước bơi lội tung tăng, chim tạm xô lồng mừng vui biết bao, nhìn quang cảnh ruộng rẫy quen thuộc, thở mạnh, hít mạnh gió mát trong lành vì ngòi phía thùng xe sau không có mui. Hai anh em ngó qua, ngó lại... A! tới chợ Hóc Môn rồi! Người, xe cộ tấp nập, vui quá! Tù mà được đi chơi! Rất may không có đồng phục, ai mặc đồ sao cũng được, nên không ai biết mình là tù binh.

Lâu quá từ ngày vô tù, chỉ toàn gặp người đánh đập, chửi mắng, xem mình như cỏ rác, giờ đây có ông nhà thầu tự nhiên chịu chuộng mình?

Đầu tiên, vừa đến chợ, ông thầu dẫn hai đứa vô tiệm hủ tiếu, tôi tự hỏi ông có lộn địa chỉ hay không? Hai đứa còn đang đứng xớ rớ không biết làm gì, ông lấy tay ra dấu:

- Ngồi, ngồi, ngồi xuống mấy chú em, cứ tự nhiên, qua cũng chưa ăn gì hết, mình làm một bụng hủ tiếu, mì, cháo..., muốn ăn gì thì ăn, rồi hãy đi chợ!

Trời, bỗng dưng có người mời mình ăn mì, hủ tiếu, lại nói muốn ăn gì thì ăn nữa? Sáu bảy tháng trời nay, có bao giờ nghĩ đến cảnh thiên đàng này đâu?

Như "con nai vàng ngơ ngác", tôi không biết lựa món nào, món nào cũng hấp dẫn, tôi chưa biết trả lời ra sao, ông nhà thầu nói tiếp:

- Tiệm thẳng Xáo Xỉnh này bán đồ ăn ngon nhứt nhì ở đây, bởi vậy qua mới dẫn hai chú em vô đây ăn..., thôi, thử ba tô hủ tiếu trước, kêu nó đem thêm xiu mại... xiu mại nó làm thật tươi lắm!

Lát sau, trên bàn có ba tô hủ tiếu nóng lên hơi, trên có rắc hành ngò và để lên một lớp hẹ xanh tươi, mùi thịt, tôm làm tôi chảy nước miếng. Đang ăn, ông nhà thầu lấy đĩa xiu mại đổ lên tô hủ tiếu:

- Bỏ thêm xiu mại, ăn cho nó ngon, còn giò cha quẩy nữa, chấm, chấm vô, hai em đừng ngại, qua ở đây ăn hoài hà...

Ông còn chu đáo kêu cho mỗi người một ly nước đá chanh.

Tôi nghĩ trong bụng:

- Ông làm như vậy, làm sao mình phê bình xấu cho ông được? Nếu thật sự ông có mua cá thúi, mình phải nói nhẹ nhẹ là "cá tuy hơi hư, nhưng tù ăn được", nghĩ chán cho vấn đề dứt lốt quá. Nhưng nào phải ông chỉ lo lốt cho hai tên này thôi đâu, còn mấy cấp trên nữa, tiếng nói của hai tên tù này cũng chẳng ra gì, tuy nhiên, kể ông cũng lịch sự đối với chúng tôi.

Đây là lần đầu tiên, mặc dầu chưa đến cửa công quyền, tôi ném mùi hôi lộ, của hôi lộ sao dễ dàng quá,

thơm ngon quá? Một tên tù cũng được người hỏi lộ, thật là hí hửng!

Sau khi ăn, là tới màn đi chợ, ông cùng với chú tài xế dẫn hai tên tù đi luồn qua các sập trong chợ lựa đồ mua; hai đứa đi theo chán quá, phần chật người, phần hôi hám, đến chỗ bán cá, phải lội sinh. Ông thầu vội vã:

- Chà, chỗ này lầy lội dơ quá, hay là hai chú em ra chỗ sạch đứng đợi qua cho tiện?

Nói xong, ông dẫn hai "chàng ngốc" này trở lại chỗ xe đậu chờ ông.

Tôi bước lại nhà ga Hóc Môn, ngồi trên thêm xi măng, ngó cảnh "ông đi qua bà đi lại", lòng rất vui vì còn phảng phất hương vị của tô hủ tiếu.

Sau khi đi chợ xong và chất đồ mua lên xe, ông thầu còn hỏi chúng tôi muốn ăn gì thêm nữa để ông mua. Sau tiếng cảm ơn của hai tên này, xe trực chỉ về trại.

Mấy lần sau, cùng có màn đi chợ, cũng ăn uống đầy đủ, nhưng cảnh náo nức ban đầu không còn nữa. Lại thêm nỗi lo sợ, vì có tiếng đồn là hai tên này được Tây chở ra chợ Hóc Môn để nhìn người quen và chỉ cho lính bắt. Chuyện không thành có, chuyện một trở thành mười lần hơn với lời lẽ thù dết, thêm rùng rợn thêm rần. Hai chàng này giờ đây thủ thế, ăn xong bảo ông nhà thầu cứ tùy tiện đi, hai chàng ngồi trốn trên xe. Chắc ông nhà thầu nghĩ rằng kế hoạch lo lót của ông thật là tuyệt hảo: giờ này, ông muốn mua gì cũng được, không ai theo kiểm soát ông cả!

Qua mấy lần sau nữa, tôi tìm cách thoái thác, xin cho người thay phiên nhau đi, vì sau một lần vợ anh Chắc thăm nuôi vào chủ nhật, Chắc nói nhỏ với tôi:

- Tui với anh đi mấy lần ra chợ Hóc Môn, vợ tui dặn đừng đi nữa, họ nói có mấy người bị Tây bắt vì tui mình chỉ chọt. Vợ tui còn dặn sau này được thả về, đừng về

nhà ở Suối Sâu nữa, mà về nhà Cậu Tư tui ở Gò Vấp, tui nó tìm cách ám sát hai anh em mình đó!

Bàn tay vô hình nào đã bắt "hai thằng ngốc" này trốn trong xe nhà thầu, chớ nếu còn lạng quạng đi trong chợ là có ngày bị giết chết?

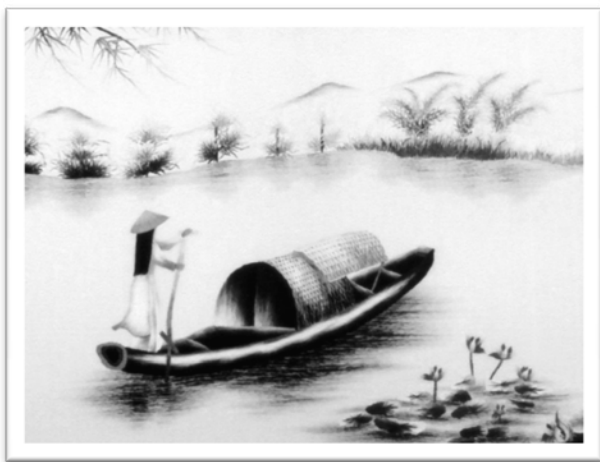
Ngoài ra, đám tù này được lệnh của ban chỉ huy Trại tổ chức một buổi trình diễn ca kịch vào dịp Giáng Sinh sắp đến. Đối với Cộng Sản, tù binh trình diễn trên sân khấu là dấu hiệu hợp tác với Tây không thể dung tha.

Theo dự tính, màn trình diễn sẽ được tổ chức ngoài chợ Hóc Môn, nhưng tới giờ chót hủy bỏ, có lẽ có tin phá hoại: thời đó, quăng lựu đạn là chuyện thường xảy ra. Bộ Chỉ Huy Lê Dương dời lại và cho ca hát trong trại, chỉ có tù binh và một số gia đình binh sĩ Việt Nam tham dự. Đó cũng là điều may cho chúng tôi, nếu không, với một trái lựu đạn nổ tung lên sân khấu, hậu quả sẽ khó lường được!

Sau đó, có đợt ân xá cho nhiều người trước Tết Việt Nam, trong đó có tôi. Như vậy, cuộc "phiêu lưu" bất đắc dĩ của con chim bằng vào chôn lao tù từ ngày gãy cánh đến khi bay ra tìm đường về tổ ấm là hơn mười tháng!



Chim Bay Về Tổ



Có câu hát dân gian rất miền Nam nói về tình người:

*"Ngồi nhơn mỏng dánh
Như cánh chuồn chuồn
Khi vui nó đậu,
Khi buồn nó bay!"*

"Ngồi nhơn" là tiếng miền Nam để nói "nghĩa nhơn", tức là "tình nghĩa con người", khi vui, có tiền của, người ta đậu lại, và khi buồn, gặp cảnh nghèo khó, người ta chia tay.

Tình trạng của tôi trái ngược lại, khi vui thì tôi bay đi, khi buồn, khi sa cơ lỡ vận, tôi "đậu" lại nhà ông bà nuôi.

Do đó, nơi đầu tiên, sau khi được thả ra là tôi nghĩ ngay đến bà nuôi của tôi, biết rằng bà luôn luôn mở rộng cánh tay để lo cho thằng con nuôi lặn lội này. Mấy lần thất

bại trên đường đời, mấy lần đau ốm, tôi đều trở về nhà ông bà tìm một mái ấm gia đình cùng bàn tay âu yếm của một người mẹ.

Ngày hôm đó, bà muốn nấu món ăn ngon để mừng ngày tôi trở về, nhưng chưa thuận tiện, vì... hết tiền. Sau đó, bà nói nhỏ với tôi:

- Lát, con có rảnh, con đi cầm cái quần lãnh dùm bà, nhà hết tiền đi chợ rồi con!

Tôi buồn bã hỏi:

- Trời, nhà mình mấy chục năm nay, tháng nào bà cũng đem cầm đồ hết vậy sao?

Không chút do dự:

- Thì có sao đâu con, có con nhờ con, có cửa nhờ của mà!

Thấy hoàn cảnh ông bà, tôi suy tính sau khi nghỉ ngơi một thời gian, tôi phải tìm việc làm để phụ giúp gia đình. Tuần sau, tôi trở lại nghề "gõ đầu trẻ", kiếm được nơi kèm trẻ tại tư gia, bớt nhờ vả gia đình...

Cả hai tuần nay, từ khi con chim được "xỏ lồng", cảnh đoàn tụ quá vui, từ nhà anh chị tôi đến nhà mấy bà con cô bác, không thể quên nhà "người đẹp" năm xưa, nơi nào tôi cũng được "thăm hỏi" ân cần.

Tại nhà anh chị tôi, trong bữa tiệc gia đình mừng ngày trở về của đứa em "đi hoang" này, trong khi tôi đốt nhang cúng vái ông bà cha mẹ, chị Ba tôi đứng kế bên, ngó lên bàn thờ vừa nói vừa cười:

- Đó, thằng Chín của má về đốt nhang cho má đó, mỗi lần nó bị chuyện gì là cả gia đình mất ăn mất ngủ, "teo" hết ruột gan!

Đến nhà "người đẹp", cả nhà vui vẻ mừng cho tôi. Tại đây, tôi được biết là trước đó, chị tôi có ghé rủ nàng tháp tùng cùng đi Hóc Môn xem tù binh đóng kịch, sẵn

thăm tôi luôn, nhưng đến nơi rồi phải trở về vì buổi trình diễn tại chợ Hóc Môn bị dời lại ngày khác.

Sẵn nhà đang dọn cơm, tôi được mời ở lại ăn cùng gia đình. Đây không phải là lần đầu tiên, khi xưa đã nhiều lần rồi, do đó, tôi không e ngại; không riêng gì tôi, ai đến nhà này cũng được đối đãi như vậy.

Cũng nhờ đến thăm nhà "người đẹp" hôm đó, tôi mới biết là nàng không quên tôi, mặc dù đời tôi đã quá tàn toại vì mưa sa bão táp! Chuyện tương lai ra sao, điều này, ai cũng có thể đoán được.

Đến nhà bà con, một bà cô nói:

- Con à! Con cực khổ nhiều rồi, bây giờ, con cần sống cho con, ở đây mà lo làm ăn, đừng đi đâu nữa hết, mấy người như con, giờ này họ sợ quá mà con cứ lang thang như vậy hoài sao?

Một tiếng an ủi khác:

- Chín à! Ai cũng biết con có tinh thần yêu nước, nhưng nguy hiểm lắm con, một lần, hai lần bị bắt, dám chết lắm đó con!

Đối với ông bà nuôi:

- Con cứ ở đây với ông bà, không đi đâu nữa hết!

Những lời nhủ trên làm tôi trần trở không ít.

Mấy năm trời nay, tôi đã quên thân mình và hằng say trên đường đi tìm "một ngày mai tươi sáng" cho quê hương, rồi cuộc, thấy mình bị lừa: sự hy sinh của mình đặt không đúng chỗ. May còn sống được để thấy ánh sáng mặt trời!

Bây giờ tính sao đây?

Sau lần bị bắt trước ở bót Catinat, bị nghi làm gián điệp cho Tây, lần thứ nhì này, là tù binh, tôi bị nghi ngờ theo Tây.

Nghĩ lại cho cùng, người ta "nghi tôi theo Tây" cũng có lý do.

Nhiều việc đáng ngờ, như ở lại trại không đi lao công như tù khác; trong tù mà chơi, nói chuyện với Tây, đọc sách Tây...; tù gì mà đi ra chợ uống cà phê, ăn hủ tiếu; tù gì mà tự do đi rong trong chợ, ngồi trong tiệm nước, trên sân ga?

Nhớ lại lúc còn ở trong khu, sống chung nhà quần chúng, tôi chứng kiến nhiều cảnh hãi hùng diễn ra trước mắt chỉ vì nạn nhân bị tình nghi là do thám.

Những việc tra khảo đánh chết người, mà mọi người chung quanh không ai dám hó hé một lời cho đỡ khổ người tử tội. Từ "thà giết lầm hơn tha lầm", Cách Mạng đã mạnh bạo nói thêm "thà giết lầm mười người còn hơn tha lầm một người".

Đó là tinh thần tích cực, giác ngộ, theo như chánh sách sắt máu đã dạy:

"Giết! Giết nữa! Bàn tay không ngại nghi

Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong

Cho Đảng bền lâu

Cùng rập bước chung lòng

Thờ Mao Chủ tịch, thờ Xít-ta-lin bắt diệt!"

(thơ Tố Hữu)

Tất cả những việc này, tôi chôn kín trong lòng, nếu để lộ ra, mình sẽ bị cáo buộc là thuộc thành phần tiểu tư sản, lưng chừng, đặt tình cảm không đúng chỗ, và chắc chắn sẽ chuốc hại vào thân.

Do đó, sau khi trải qua bao kinh nghiệm "trên nẻo đường quê hương", tôi đã "sáng mắt", và sau ngày ra tù, tôi quyết tâm "dùng chơn phiêu lãng", chờ cơ hội đi học trở lại.

Trên 200 trang sách, độc giả (và con cháu) đã xem qua thiên "Phiêu Lưu Ký" về cuộc đời "không sông sẻ lắm" của một chú bé sanh ra trong một gia đình "không bình thường", để rồi theo năm tháng chú bé lớn lên đến tuổi

trưởng thành, nổi trôi theo vận nước, từ thanh bình sang qua thời tao loạn, cho đến khi Việt Minh nổi lên làm đảo lộn luân thường đạo lý, với cảnh "sen chìm xuống bèo trôi lên trên" diễn ra hằng ngày ...

Ngày được ra khỏi nhà tù, cuối năm 1949, tôi vừa tròn 22 tuổi, chỉ mới chập chững bước vào đời mà đã nếm quá nhiều gian khổ, mạng sống đùa với tử thần như trở bàn tay!

Nay với tuổi xế chiều, tôi tự đặt câu hỏi: Nếu phải trở lại cuộc sống từ đầu tới cuối, tôi trả lời như thế nào?

Xin mượn câu thơ của Nguyễn Công Trứ để nói lên cảm nghĩ của tôi:

*"Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo".*



HẾT

Cuộc Đời Trở Thành Tác Phẩm Nghệ Thuật

Nhà văn (Nv) Cựu Đại tá Lê Văn Hưởng (LVH) sinh năm 1927 (Đinh Mão) nhập ngũ Khóa 1 Thủ Đức 1951 có kiến thức uyên bác, thông thạo nhiều thứ tiếng, tốt nghiệp Cử nhân Luật, phục vụ tại Qui Nhơn, Pleiku, Nha Trang, Quảng Đức... đến tháng 3/75 đơn vị tan hàng tại Ban Mê Thuột.

Di tản qua Mỹ, người lính già LVH vẫn tiếp tục chiến đấu bằng ngòi bút vì lý tưởng tự do, nhân bản. Đêm đêm cầm bút sáng tác mà mỗi tác phẩm là một sự khắc khoải và lao khổ về tinh thần.

Ông đã xuất bản bốn tác phẩm văn xuôi, bỏ ra 12 năm (từ 2001 đến nay) để hoàn tất bộ hồi ký đời mình chia làm 3 giai đoạn:

1. Trên Nẻo Đường Quê Hương: chặng đầu đời.
2. Cuốn Phim Dĩ Vãng: chặng đời binh nghiệp (xuất bản 2004).
3. Đời Tị Nạn (đã xuất bản).

Được bằng hữu khuyến khích, hai năm qua ông bỏ thì giờ duyệt và xuất bản tiếp cuốn còn lại mà ông gọi là "phiêu lưu ký" từ lúc sanh ra (1927) đến năm 22 tuổi (1949), quãng thời gian có nhiều biến

cố lịch sử làm thay đổi vận mạng đất nước và cuộc đời niên thiếu của ông.

"Trên nẻo đường quê hương" (TNĐQH) quê hương ở đây là Sài Gòn, Gia Định nơi ông chào đời và những vùng sông nước Cửu Long như Sa Đéc, Vĩnh Long, Đồng Tháp. những nơi từng in đậm dấu chân ông "phiêu bạt kỳ hồ".

Đọc hồi ký, có ai ngờ vị Sĩ Quan Niên Trưởng đã có một thời cực khổ, bất hạnh? Gia đình ông, nạn nhân điển hình của chế độ đa thê lạc hậu thời trước. Mẹ ông với 13 lần sinh thuộc dòng nhỏ, như một cánh cò lủi thủi tần tảo nuôi con rồi bị tai nạn qua đời, bỏ lại đàn con thơ có cha cũng như không có, vì cha còn phải lo cho dòng lớn. Một hiện thực chua cay phổ biến khắp nước thời bấy giờ đã được xã hội mặc nhiên công nhận: *"trai năm thê bảy thiếp"* nguồn gốc gây ra bao thảm kịch gia đình:

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lòng

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.

(Hồ Xuân Hương)

Cuộc đời thơ ấu của tác giả (Tg) có cha mẹ nhưng không được sống gần. Khi mẹ rời đến cha là đời thì đàn con chịu chút hoàn toàn bơ vơ. Đó là tình cảnh chung của hàng triệu tuổi thơ VN thời Pháp thuộc, Nhật thuộc, rồi chiến tranh Pháp-Việt

Minh-Hòa Hảo-Cao Đài. mà người dân phải gánh chịu một cổ nhiều trùng trăm bề khổ sở. Trong số những đứa trẻ bất hạnh đó có một chú bé ngoại lệ mà ý chí nghị lực phi thường đã không ngừng vươn lên chiến thắng nghịch cảnh, bệnh tật, tử thần, chú bé tên là Lê Văn Hưởng.

Thời huy hoàng nhất của chú là được vào học trường Pétrus Ký, ở bán nội trú. Tương lai đang sáng lạng thì thời cuộc biến động dồn dập, nhà trường đành phải đóng cửa lâu dài. Cao trào kháng Pháp nổi lên rầm rộ, học sinh LVH cùng nhiều bạn hữu bị cuốn hút vào ngọn lửa yêu nước đấu tranh chống Pháp xâm lược lần hai. Chú gia nhập đoàn "Thanh niên Tiền phong", từ đó "phiêu lưu" đến tận hang cùng ngõ hẻm, đến vùng Đồng Tháp, bị sốt rét về thành, bị bắt, tù đầy, tra tấn. Cuộc đời tưởng đã kết thúc nhưng nhờ bình tĩnh, kiên nhẫn đối phó, chú tránh được lưỡi hái của tử thần.

Năm 1949 ra tù, chú thanh niên 22 tuổi có đủ kinh nghiệm, kiến thức để nhận ra tuổi trẻ của mình đã bị lợi dụng bởi "những kẻ vô thần không có trái tim" đã từng gây ra bao oan khiến chết chóc cho người dân vô tội. Cuốn hồi ký khép lại ở đó, để 2 năm sau chàng tuổi trẻ LVH lên đường nhập

ngũ khóa 1 Thủ Đức mở đầu chặng đường binh nghiệp phục vụ trong QLVNCH.

Thú thật khi nhận được bản thảo, tôi đã say mê đọc không bỏ sót một dòng nào tựa hồ như người uống trà gặp bình trà ngon đã nghiêng bình chất cạn.

Thiên hồi ký TNĐQH theo thiên nghĩ có hai giá trị tiềm ẩn:

-Giá trị lịch sử:

Xuyên qua đời mình, Tg đã ghi lại những biến cố lịch sử lồng trong những câu chuyện mắt thấy tai nghe dàn trải khắp tác phẩm làm cho người đọc ngạc nhiên, thích thú, lắm khi rợn tóc gáy bàng hoàng. Bên cạnh đó có vô số bức tranh rất đẹp về thiên nhiên, đời sống, văn hóa, phong tục tập quán, tôn giáo đã được ghi lại một cách tinh tế, đôi khi khôi hài. Tg viết chi li, thường mở ngoặc đơn ghi chú cẩn thận để giúp độc giả hiểu cận kề thấu đáo. Có nhiều mẫu đối thoại được ghi nhận "trên nẻo đường quê hương" mà Tg đã đi qua, cũng như có nhiều tiếng nói địa phương (phương ngữ) được ông ghi âm trung thực.

-Giá trị văn chương:

Nếu muốn đi tìm những giá trị văn chương cao siêu, huyền bí, hay muốn thưởng thức những cách diễn tả bí hiểm, trừu tượng, khó hiểu; những bút pháp cầu kỳ, chải chuốt, bóng bẩy; những lối hành văn dài dòng lê thê, mâu thuẫn; những câu khoa trương, cường điệu, rỗng tếch; những từ ngữ dũ dằn, đao to búa lớn... thì sẽ hoàn toàn thất vọng bởi thiếu vắng trong cuốn hồi ký TNĐQH.

Ở đó nổi bật lòng chân thành của tác giả. Ông trầm tĩnh, kiên nhẫn, từ tốn trình bày cả những điều nhỏ nhất mà Nv Võ Phiến gọi là chẻ sợi tóc làm tư. Qua đó cho thấy trí nhớ của ông thật phi thường (cách gần 1 thế kỷ mà Tg vẫn nhớ tên tờ báo và nguyên văn đoạn báo mà thân phụ ông bảo ông đọc).

Qua 13 chương được sắp xếp khoa học, được viết một cách dễ dàng, lưu loát, tự nhiên, thoải mái. Những từ ngữ ông sử dụng lúc nào cũng đơn giản, trong sáng, bình dị, dễ hiểu. Đôi khi ông dùng những tiếng thông thường để nói những điều khác thường.

Hồi ký của ông có sức quyến rũ, lôi cuốn bởi một lối viết nhẹ nhàng, thân mật, chân thành cộng với những tình tiết lâm ly, bi đát.

Về bút pháp, Nv LVH có cùng quan điểm với Triết gia Arthur Schopenhauer người Đức:

“Thành thật là bí quyết của một bút pháp hay, và đơn giản chính là yếu tính của thiên tài.”

Tg LVH luôn trình bày tư tưởng của mình một cách thuần khiết, đơn giản, minh bạch. Qua ngôn ngữ, ông minh họa một vùng quê hiền hòa nơi người dân sống nghèo khổ nhưng thật thà, hiếu khách, tốt bụng như ngôn ngữ ngắn gọn mộc mạc ngay thẳng mà họ sử dụng hàng ngày.

Qua bút pháp có thể nhìn thấy diện mạo tâm hồn Tg: trầm tĩnh, khiêm tốn, thật thà, nhân hậu.

Tóm lại, đọc hồi ký của Nv LVH, tôi có cảm tưởng như mình đang đi hành hương về miền dĩ vãng gần 100 năm về trước có đầy đủ các hương vị hỉ nộ ái ố ai lạc dục làm cho trái tim bồi hồi xúc động, khóc cười theo từng lời thuyết minh của người "hướng đạo". Tg đã dẫn chúng ta đi "trên nẻo đường quê hương" mịt mù, lạ lẫm để trở về ngôi khóc bên nắm mộ ấu thơ & niên thiếu. Để rồi khi dứt áo thoát ra khỏi vùng "ở đây âm khí nặng nề - Kiêu" tác giả giật mình, ngao ngán, thổ lộ:

*Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
(Nguyễn Công Trứ)*

Hình ảnh cây thông "khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười" không khác con người nhà văn, trong khi nước mắt lưng tròng ông cũng có thể đùa được.

Thuở ấu thời & niên thiếu của Tg là một chặng đời bất hạnh, cũng là định mệnh "Bất phong trần phải phong trần" (Kiều).

Tg nhẫn nhục chấp nhận định mệnh, nhưng vẫn cố gắng vượt qua:

Có trời mà cũng có ta (Kiều).

Văn hào Henry Miller của Mỹ đã viết như sau:

"Viết, như chính cuộc đời là một cuộc du hành khám phá. (...) Chính cuộc đời tôi trở thành một tác phẩm nghệ thuật."

Nv LVH cũng không khác. TNĐQH là phiêu lưu ký, cũng là một cuộc du hành khám phá, và dưới ngòi bút của ông, cuộc đời của ông đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật.

Vinh Hồ
Cựu Hội Trưởng Hội VNTD
20/7/2012

Chân thành cảm tạ:

Giới thiệu - Bình phẩm: **Mai Lan Nguyễn
Vũ Quang Minh
Vinh Hồ**

Phần biên tập: **Tuyết Nga
Xuân Dân**

Trang Trí và Minh họa: **Tạo Ân**

Tranh bìa: **Bìa trước: Họa Sĩ
Vũ Quang Minh
Bìa sau: Bác sĩ kiêm Họa sĩ
Võ Tá Đồng**

Vài hàng về tác giả:



Sanh quán: Gia Định, Việt Nam
Ngày sanh: 4 tháng hai, 1927
Cựu học sinh Trường Pétrus Ký
Cử nhân Luật, Đại Học Luật Khoa Sài Gòn
Cựu sĩ quan Quân Lực VNCH, Khóa 1 Thủ Đức
Định cư tại Hoa Kỳ, tiểu bang Florida

Tiền bán sách (sau khi trừ ấn phí) sẽ giúp:

- *Hội Ái Hữu Quân Nhu*
- *Đài Phát Thanh VN Hải Ngoại tại Tampa, FL*
- *và các Hội Đoàn khác*

In tại nhà in:

Five Star Printing, 10322 Trash Ave, #B
Garden Grove, CA, 92843
714 715 8172